

THÍCH HẬU QUÁN

釋厚觀法師 著述

PHƯỚC HUỆ TẬP 2

福慧集(二)

Việt dịch:

**THÍCH VẠN LỢI, THÍCH NỮ LỆ TRÚC,
THÍCH NỮ HẠNH TÍN, THÍCH NỮ PHƯỚC NGỌC**

越南文翻譯：釋萬利，釋麗竺，釋行信，釋福玉

Printed and donated by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

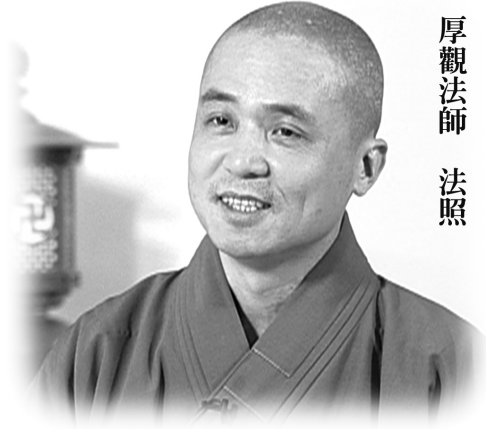
This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Lời ngỏ

Thích Hậu Quán

Từ tháng 6/2010 cho đến tháng 5/2013, tác giả đã hoàn thiện quyển sách Phước Huệ Tập 1 và đã qua ba lần tái bản với tổng số lượng lên tới 9000 bản.



厚
觀
法
師
法
照

Sau một thời gian lưu hành rộng rãi, quyển sách Phước Huệ Tập đã nhận được rất nhiều những phản hồi tích cực từ người đọc vì vậy một số nhà xuất bản của Malaysia cũng gửi thư bày tỏ mong muốn được xin bản quyền để xuất bản phục vụ cho quá trình tu học của quý Tăng Ni và Phật tử.

Trong quá trình làm việc cùng nhau, cư sĩ Lai Kim Quang đã giới thiệu thầy Vạn Lợi cùng một số thầy cô khác với tôi và có bày tỏ nguyện vọng dịch quyển sách này ra tiếng Việt để lưu hành trong nước. Đối với một người viết sách đây có thể nói là một niềm vui và đồng thời cũng là động lực để tác giả tiếp tục cho ra đời quyển sách Phước Huệ Tập 2.

Đến tháng 2 năm 2013, tác giả tiếp tục phát hành “Phước Huệ Tập 2”. Khác với Phước Huệ Tập 1, đây là quyển sách tuyển tập các câu chuyện trong Kinh điển, chỉ với thời gian khoảng nửa năm, sách đã in tới 8000 quyển, mọi người ai nấy đều hân hoan đón nhận. Để chứng minh cho điều này, tác giả đã nhận được rất nhiều các email cảm ơn và chia sẻ quý vị Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử. Đặc biệt trong đó có câu chuyện của một người mẹ. Cô đã đem một câu chuyện trong đó kể cho con gái đang học tiểu học của mình nghe, cô bé rất thích và nói với: “Mẹ ơi! Sao mẹ chỉ

kể có một câu chuyện thôi? Mẹ kể cho con nghe hai câu chuyện luôn được không!” Người mẹ kể hai câu chuyện, thì con gái tiếp tục muốn mẹ kể thêm câu chuyện nữa. Bên cạnh đó có nhiều thầy cô giáo đã dùng những câu chuyện này để giảng dạy cho học sinh và họ đều nhận thấy hiệu quả giáo dục rất tốt.

Những câu chuyện trong Kinh điển ghi lại lời dạy trí tuệ của đức Phật về cuộc sống, trong đó không chỉ tùy theo căn cơ, tâm tính, thời gian và địa điểm của tất cả mọi người mà đức Phật còn giảng dạy thích hợp; còn về nội dung thì sâu sắc nhưng dễ nhớ dễ thuộc, điều đặc biệt là những câu chuyện ấy làm cho chúng ta phải thức tỉnh trên nhiều phương diện.

Trong đó tại sao đức Phật nói mình chính là người lái đò? Là người biết canh tác ruộng đồng? Ngoài ra, sống trên đời này một khi lìa trần thì mang theo cái gì? Nếu quý vị muốn biết được đáp án, thì cuốn sách “Phước Huệ Tập

2” sẽ trả lời điều đó.

Thầy Vạn Lợi, cô Lê Trúc, cô Hạnh Tín, cô Phước Ngọc cho rằng, các câu chuyện trong Kinh điển có nội dung rất phong phú, nhưng nguyên văn trong Hán tạng thì thuộc văn cổ rất khó hiểu, nay được tác giả dùng văn hiện đại để giải thích thì rất dễ tiếp cận. Quý thầy cô nhận định rằng: “Phước Huệ tập 2” rất cần để giới thiệu đến Phật giáo Việt Nam, vì vậy đã phát tâm dịch ra tiếng Việt để lưu hành.

Khi công việc phiên dịch cuốn sách đi đến giai đoạn gần hoàn thiện, thầy Vạn Lợi có ngỏ ý mong tôi viết lời giới thiệu cho bản tiếng Việt, tôi cảm thấy rất vui mừng, và cảm ơn quý vị đã phát tâm, cư sĩ Lai Kim Quang v.v... xúc tiến và các vị ủng hộ tinh tài để xuất bản, thân chúc quý vị được kiết tường như ý, phước huệ viên mãn!

Mục lục

- Lời ngỏ 3
- Mục lục 7
- Học viện Phước Nghiêm Đài Loan, ngày 14 tháng 5 năm 2013
Cây gậy cong còn hơn đũa con bắt hiểu 9
- Giấy gói hương và dây buộc cá 16
- Đức Phật Cũng Cày Ruộng 21
- Thợ làm cung biết khắc góc cạnh, người lái thuyền biết điều
mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều
thân 27
- Phật Độ Người Lái Đò 34
- Phạm chí ngâm nước xúc miệng nhỏ trong bát ngài Xá Lợi
Phất 40
- Buông xả cung tên dao búa ở trong tâm 45
- Ưu não ngu si không bỏ, đao kiếm tên độc làm sao bớt... 54
- Nhân Duyên Đức Phật Hóa Độ Bà Lão Trong Thành Xá Vệ
..... 62
- Đức Phật nói Kinh Nhũ Quang Phật 83
- Câu Chuyện “Nhân duyên Phất Ca Sa Vương chứng quả mà
bị trâu húc chết” (Phần 1) 96
- Câu chuyện “ Nhân duyên vua Phất Ca Sa chứng quả mà bị
trâu húc chết” búa rìu trong miệng, sở dĩ bị mất mạng do vì

ác ngôn của mình. (Phần 2).....	105
● Trang Nghiêm Thì Ảnh Đẹp, Dơ Dáy Thì Hình Xấu.....	115
● Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý.....	127
● Lỗi lầm của sự sân hận.....	143
● Nửa Đêm Hái Trộm Dưa	157
● Người trí muốn diệt khổ nên từ tâm, không phải từ thân.160	
● Bàn cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, hiểm nguy trì giới khó, tráng kiện xả dục khó.....	173

Cây gậy cong còn hơn đũa con bất hiếu

Tôi chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện, được trích trong “Kinh Tạng A Hàm” Kinh số 96, kinh này cũng giống như Kinh “Biệt Dịch Kinh Tạng A Hàm” kinh số 262. Hiện tại chúng ta lấy “Kinh Tạng A Hàm” Kinh số 96 làm chính, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 2 trang 26a~b.

Vào một buổi sáng sớm tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đức Phật mặc Tăng phục đến nước Xá Vệ khát thực, Ngài nhìn thấy một vị Bà La Môn tuổi đã rất lớn, thân thể suy yếu, cũng chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà, từng nhà một.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn liền hỏi vị này: “Tuổi của ông đã lớn, sức khỏe quá suy yếu, bước đi không vững, cần phải chống gậy, sao ông cũng cầm bát đến từng nhà đi khát thực, chúng tôi là những người xuất gia mới đi khát thực, lẽ nào con cái của ông không hiếu kính? Tại sao ông lại rơi

vào hoàn cảnh thế này?”

Bà La Môn trả lời: “Tôi đem tất cả tài sản giao phó cho con, cưới vợ gả chồng cho chúng, cuối cùng vợ chồng chúng chỉ lo hưởng thụ, bỏ mặc người cha già này, đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi đi đứng không thuận tiện, bắt đắ dĩ chi biết chống gậy, ôm bát, đi từng nhà một xin ăn.”

Đức Phật nói với Bà La Môn: “Bây giờ tôi nói cho ông một bài kệ, ông nên ghi nhớ, lúc nào về đến nhà, đứng trước mọi người, trong khi con của ông cũng có mặt ở đó, rồi nói với họ, bây giờ tôi sẽ nói bài kệ cho ông, ông có thể nhớ chăng?”

Bà La Môn trả lời: “Tôi có thể ghi nhớ, Thế Tôn liền đọc nội dung của bài kệ cho Bà La Môn nghe, nội dung đại ý như sau:

Khi sinh con cái thì vô cùng vui mừng, và vì con mà cha ra sức kiếm nhiều tiền, cũng vì con cái cưới vợ gả chồng, nhưng chúng nó mãi mê hưởng thụ mà đuổi người

cha nhanh ra khỏi nhà, như vậy chúng đã không hiểu được đạo lý của con nhà nông và nhanh chóng lãng quên đi cha mình. Đó là hành vi của người con bất hiếu, anh ta tuy là hình dáng của người, nhưng ẩn tàng trong tâm là ác quỷ la sát”.

Như một con ngựa, bình thường nó vì người chủ cả một đời cày cấy, lúc già rồi thì “ngựa già vô dụng” cỏ của nó chủ nhân cũng dành cho con khác. Cũng giống thế, con cái còn trẻ có sức khỏe cường tráng; nhưng cha tuổi đã già yếu, còn bị đuổi đi phải đến từng nhà xin ăn.

Bất hiếu như vậy không bằng gậy cong này, nó làm nơi nương tựa tốt nhất của tôi, mà không cần con cái vì chúng không biết công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Nói một cách khác, cây gậy cong của tôi hơn cả rất nhiều đứa con bất hiếu.

Vì cây gậy này có thể bảo vệ cho tôi phòng ngừa trâu dữ, nơi có nguy hiểm, giúp tôi đến nơi an ổn, tránh được

chó dữ và đi trong bóng tối, giúp tôi tránh xa được đường hầm, hồ sâu và cả gai góc của rừng rậm.

Tôi nhờ vào sức mạnh của cây gậy, đứng vững không chao đảo quay cuồng, nếu bị vấp ngã thì vịn cây gậy này đứng lên.

Vị Bà La Môn sau nghe xong bài kệ của Thế Tôn, ông ta liền ghi nhớ trong tâm. Về nhà, ở giữa đám đông, trong đó có đứa con bất hiếu, ông ta thuật lại bài kệ của Thế Tôn vừa dạy. Nói xong, người con vô cùng hổ thẹn, sợ hãi, anh ta biết đang ám chỉ trách mình bất hiếu, liền vội vàng đến ôm người cha, đưa cha về nhà, giúp cha tắm gội, mặc áo quần đẹp, mời cha làm trụ cột gia đình.

Bà La Môn vô cùng vui mừng: “Tôi bây giờ hồi phục được sự tôn quý, làm chủ gia đình, tất cả là do ân đức của đức Phật. Theo Kinh điển của Bà La Môn dạy, nếu là sư trưởng, chúng ta nên đem lễ kính sư trưởng để cúng dường; nếu là hòa thượng (thầy dạy học), thì chúng ta cần phải

thực hiện đúng lễ nghi cúng dường vị hòa thượng. Tôi nay được khôi phục địa vị gia chủ, cuộc sống từ đen sang trắng, tất cả đều do ân lực của đức Phật. Đức Phật chính là Thầy của tôi, tôi cần phải đem y phục tuyệt diệu dâng lên cúng dường Thế Tôn.”

Lúc đó Bà La Môn đem y phục ấy đến chỗ của Thế Tôn. Sau khi thỉnh Thế Tôn an tọa xong, liền ngồi xuống một bên và bạch Phật: “Bây giờ tôi được về nhà, đều là công lao của đức Phật. Kinh điển của Bà La Môn có dạy: “nếu là sư trưởng, chúng ta nên đem lễ kính sư trưởng để cúng dường; nếu là hòa thượng, thì chúng ta cần phải thực hiện đúng lễ nghi cúng dường vị hòa thượng”. Bây giờ Thế Tôn là thầy của tôi, xin nguyện Thế Tôn thương xót tôi, từ bi thọ nhận.” Thế Tôn đã thương xót ông ta nên đã tiếp nhận những y phục.

Lúc đó Thế Tôn giảng dạy cho Bà La Môn nhiều loại pháp: thị, giáo, lợi, hi, “Theo Đại Trí Độ Luận” giải thích:

“Thị” chính là phân biệt vì ông mà nói rõ thế nào là thiện pháp; “Giáo” dạy ông ta cần phải bỏ ác pháp hành thiện pháp; “Lợi” là nói cho ông ta biết thực hành thiện pháp, đạt được lợi ích gì? “Hi” là ông ta cứ như thế thực hành thiện pháp, lại khuyến khích ông ta, làm cho ông ta sinh tâm an vui, hoặc là có người thực hành thiện pháp, chúng ta cũng nên tùy thuận hoan hỷ, khiến cho ông ta càng tinh tấn không ngừng học tập.

Bà La Môn nghe đức Phật nói pháp, liền hoan hỷ đánh lễ Đức Phật và lui ra.

Câu chuyện này đã dạy cho chúng ta rất nhiều điều về cuộc sống, triết lý cây gậy cong, cũng giống như lúc còn nhỏ, cha mẹ đã từng bước từng bước dạy chúng ta từ biết bò sau đó cho đến khi biết đi, dẫn dắt chúng ta như vậy v.v...

Bắt đầu chúng ta không biết ăn cơm, có phải không? Cha mẹ rất nhẫn nại đút từng miếng từng miếng cho chúng

ta ăn. Nhưng khi cha mẹ về già động tác có chậm chạp, hoặc trí nhớ suy giảm, chúng ta là những người trẻ nhưng lại không đủ sự nhẫn nại chăm sóc cha mẹ mà liên tục hối thúc: “Nhanh một chút! Lẹ một chút” hành động ấy cứ được lặp đi lặp lại. Trên thực tế, nếu chúng ta hồi tưởng lại lúc mình còn nhỏ, có phải cha mẹ chúng ta đã kiên nhẫn từng li từng tí dẫn dắt chúng ta? “Luận ngữ” cũng có đề cập đến, trong “Tử Hạ vấn hiếu” Tử Hạ hỏi thế nào là hiếu đạo? Khổng Tử dạy: “Giữ sắc diện hài hòa khó” chính từ việc đơn giản cung dưỡng về vật chất ra, còn phải biết lắng nghe và làm theo những mong muốn của cha mẹ để cha mẹ luôn cảm thấy yên vui an hưởng tuổi già.

Phước Nghiêm, ngày 13, tháng 10 năm 2012.

Giấy gói hương và dây buộc cá

Tôi muốn chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” Phẩm Song Yếu Thứ 9 thuộc Đại Chánh Tạng tập 4, trang 583b ~584a.

Ngày xưa, có hơn bảy mươi vị Bà La Môn, bởi phước đức nhân duyên kiếp trước họ đã đầy đủ, đức Phật nghĩ có thể độ cho họ tại nơi cư trú này.

Những vị Bà La Môn thấy đức Phật tướng hảo trang nghiêm, quang minh nên ai ai cũng đều kính phục.

Đức Phật nói: Quý vị cư trú trong núi này bao lâu rồi, cuộc sống như thế nào? Làm thế nào để cầu thoát ly sinh tử?

Những vị Bà La Môn liền trả lời: Chúng tôi thờ phụng mặt trời, mặt trăng, nước và lửa, thường cúng tế, hy vọng cầu được sinh vào cõi trời Phạm thiên, và thoát ly sinh tử.

Đức Phật nói với các vị Bà La Môn: Nếu quý vị lấy

việc cúng tế để cầu mong được sinh lên trời thì không thể thoát ly được luân hồi trong ba cõi, mà cần phải tu hành trí huệ vô lậu, mới có thể đạt được ý muốn ấy.

Nếu không tu trí huệ vô lậu thì vẫn phải đọa lạc trong ba ác đạo, chỉ có xuất gia tu hành mới có thể đạt đến Niết Bàn. Bảy mươi vị Bà La Môn này nghe xong rất hoan hỷ liền phát tâm cầu mong được xuất gia.

Đức Phật nói: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tất cả họ đều được xuất gia tu tập cùng Đức Phật.

Nhưng, trên đường trở về Tịnh Xá, bảy mươi vị Bà La Môn này dần thối tâm lung lay ý chí và càng lúc càng nhớ tưởng đến vợ con. Lúc bảy giờ, gặp trận mưa rất lớn, tình cảm của họ lại trở lên thấm thiết với người thân.

Đức Phật biết được như vậy, nên dùng thần thông biến hóa ra những ngôi nhà cỏ, và bảo mọi người hãy vào trong đó trú mưa.

Phật dạy: Nếu chúng ta lợp nhà không kín đáo, gặp

mưa sẽ bị dột, cũng như vậy, ý niệm của chúng ta nếu không trải qua tư duy tu tập thì dục vọng, phóng dật kéo đến cũng giống như ngôi nhà bị dột nước. Nếu chúng ta lợp nhà kỹ càng thì dù có mưa cũng không bị ướt. Do đó, chúng ta phải nhiếp tâm, cần tư duy, thực hành, tuệ tri tu tập, nếu làm như vậy, dù có nhiều dục vọng đến đâu chúng ta điều phục được.

Bảy mươi vị Tỳ-kheo này nghe xong, trong tâm phản tỉnh, muốn phát tâm tinh tấn tu học nhưng vẫn còn mơ hồ chưa hiểu. Khi mưa tạnh, họ hướng về phía trước tiếp tục cuộc hành trình, đang đi trên đường thì thấy một tờ giấy. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo nhặt tờ giấy lên, rồi liền hỏi các thầy: “Giấy này có mùi như thế nào?”

Các vị Tỳ-kheo này cầm giấy lên ngửi và nói: “Ôi, tờ giấy gói nhang, tuy đã bỏ nhưng mùi thơm vẫn còn”.

Sau đó đoàn người tiếp tục đi thì thành linh phát hiện thấy một khúc dây thừng, đức Phật bảo Tỳ-kheo nhặt lên.

Một vị Tỳ-kheo ngủi và nói: “Đây là sợi dây rất hôi tanh mùi cá, chắc nó đã từng buộc cá”.

Đức Phật dạy: Bản tính của con người vốn là trung tính, vì một nhân duyên nào đó mà có khi tạo tội, khi tạo phước. Nếu chúng ta thân cận thánh hiền thì tâm đạo được vững mạnh, ngày càng tăng tiến, nếu gần người ngu hoặc sống chung với bạn ác thì vô hình trung tăng trưởng những ác nghiệp cũng giống như sợi dây hoặc tờ giấy, do đó đức Thế Tôn nói bài kệ có nội dung như sau:

Nếu thân cận người dung tục, xấu xa thì cũng giống như cả ngày cùng với vật thối ở chung, lâu ngày nhiều tháng, vô tình mình bị ảnh hưởng bởi các tính xấu ấy từ khi nào mà mình không hay không biết. Ngược lại, nếu chúng ta cùng với hiền thánh sống chung, thân cận với người hiền lành cũng giống như mỗi ngày cùng hun đúc trong hương thơm, từ từ trí tuệ, thiện pháp của chúng ta tăng trưởng, hành vi dần dần cao thượng hơn.

Bảy mươi vị Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật giảng dạy sinh lòng hổ thẹn với bản thân và mọi người xung quanh, họ cũng hiểu rằng gia đình là nơi tập hợp những sự ô uế, vợ con là mối ràng buộc. Do đó, chúng ta có được sự nhiệt tâm, chánh niệm chánh trí, cùng đức Phật tu học, biết được đức Phật có những vị đệ tử đều là bậc thiện tri thức, chúng ta thân cận những vị thiện tri thức này cũng giống như mỗi ngày được tiếp xúc với hương thơm, chúng ta không nên tiếp cận với bạn ác sinh tâm ô uế, mà nên tinh tấn tu hành để đạt đến A La Hán.

Trung Quốc cũng có câu: “Cùng người thiện sống, như vào nhà bạn hiền, lâu ngày cũng tỏa hương thơm” sống chung với người tốt cũng giống như vào nhà đầy hương thơm, bản thân không biết nhưng vô hình chung đã thấm mùi thơm. Cũng có câu: “Cùng kẻ ác, như tự do đi vào chợ cá, lâu ngày cũng có mùi tanh”.

Đại chúng cùng nỗ lực cố gắng.

Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 10 năm 2011

Đức Phật Cũng Cày Ruộng

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm” kinh 264, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 2 trang 466a~c.

Xưa kia đức Phật trú ở Trúc Lâm Ca Lan Đà tại Thành Vương Xá. Đương thời, tại phía Bắc Thành Vương Xá có một vị Bà La Môn chuyên cày ruộng tên là Tô Đậu La.

Có một lần, vào lúc sáng sớm đức Phật khoác tăng phục, ôm bình bát đi đến chỗ của Bà La Môn khát thực. Lúc đó Bà La Môn từ xa nhìn thấy Đức Phật đang tiến đến, liền nói với Đức Phật: “Thưa Thế Tôn! Chúng tôi phải vất vả cày cấy mới có đồ để ăn, chúng tôi từ trước đến nay chưa từng đi xin người khác, còn các ông không cày cấy, cũng chẳng làm gì, các ông nên cày cấy giống chúng tôi vậy mới phải! Tại sao tất cả đều nhờ vào xin ăn duy trì

mạng sống?”

Đức Phật rất khéo léo đáp “Tôi cũng cày cấy! Nhưng, ruộng tôi cày không phải là ruộng bình thường, mà tôi cày ruộng đại phước.”

Bà La Môn nông dân liền cảm thấy kỳ lạ nói: “Thế Tôn! Nếu ông nói ông cày ruộng, nhưng tại sao tôi chưa từng thấy qua ruộng của ông? Hạt giống được gieo ở đâu? Ông cũng không có trâu cày, cũng không có công cụ cày ruộng, bừa đất v.v.. tại sao ông lại nói tôi cũng đang cày ruộng? Nếu nói ông có cày ruộng, mời ông nói cho tôi về phương pháp cày ruộng.” Nông dân này đang thách đố Thế Tôn, nếu nói ông có cày ruộng, vậy thì hãy nói cho tôi biết thế nào là cày ruộng, phương pháp cày ruộng ra sao?

Thế Tôn liền đáp: “Thông thường nông dân cày ruộng, cần phải có hạt giống gieo xuống; còn ruộng tôi cày chính là dùng niềm tin làm hạt giống. Bởi vì “niềm tin là nơi sinh ra các công đức”. Niềm tin chính là hạt giống của tất

cả công đức. “Phật pháp như biển lớn, có tín tâm thì đi vào, có trí tuệ thì vượt qua” do đó tín tâm chính là hạt giống, tôi có hạt giống như vậy.

Như thế hạt giống cần phải trồng ở đâu? Đương nhiên phải có ruộng tốt! Trong Phật pháp có ruộng tốt, chính là các thiện pháp, và nơi hành thiện pháp, đó chính là ruộng tốt của tôi. Con trâu ở đâu? Tinh tấn chính là điều phục trâu.

Nhưng chỉ có con trâu vẫn chưa đủ, muốn biết được nơi nào đất cần cày, cần bừa thì cần phải chỉ dẫn phương hướng, còn trí huệ chính là gọng cày.

Ngoài ra, còn phải cày ruộng, mới làm cho đất tươi xốp, nên tâm hổ thẹn là đất của tôi cày. Với cái tâm hổ thẹn ấy chính là chúng ta nhận ra được sai lầm rồi, cần phải thành thật sám hối, không được che dấu tội lỗi bên trong, cần phải đem ra phơi bày.

Do đó cày ruộng chính là tâm hổ thẹn. Người tu hành

cần thành thật sám hối, do đó tôi cũng có cày.

Không chỉ có công cụ, có trâu mà cũng cần phải có người cày ruộng giỏi, đó là giữ gìn trong trạng thái chánh niệm.

Ngoài chánh niệm ra, thân khẩu ý cũng cần phải điều thuận, dùng phương thức thiện xảo để phòng hộ các căn, để cho thân khẩu ý thanh tịnh. Nông dân dùng dây cương để điều phục trâu ngựa, người xuất gia lấy trì giới làm dây cương để cho tâm viên ý mã có thể điều phục, cho thân khẩu thanh tịnh, và cũng chính là trì giới thanh tịnh.

Cày cấy, cũng cần phải làm cỏ, nhổ đi những loài cỏ dại, trong Phật pháp chính là trừ đi phiền não.

Cày cấy cũng phải kịp mùa mưa, phải tưới tiêu, cần phải không ngừng tưới để ruộng thấm nước, cũng như vậy người tu hành không được giải đãi, cần phải liên tục tinh tấn, để thấm nhuần ruộng thiện pháp, như vậy mới có thể thu hoạch tốt được.

Cũng như vậy, các nông dân nỗ lực làm cỏ, cày cấy, có thể thu hoạch được dồi dào; còn người tu hành cũng như vậy, nỗ lực diệt trừ phiền não, tu học thiện pháp, hướng đến giải thoát an ổn, đạt được an lạc vĩnh viễn.

Các ông siêng năng chịu khó cày cấy, kết quả có thể thu hoạch được lúa thóc, nhưng chúng tôi cày cấy, có thể gặt hái được quả cam lồ giải thoát khỏi sinh tử. Các ông chỉ chống được cái khổ của sự đói khát, nhưng chúng tôi thực hành vì trừ đi thống khổ và vĩnh viễn không còn luân hồi trong ba cõi.

Bà La Môn vừa nghe xong, vô cùng tán thán: “Thế Tôn! Ngài mới là người cày ruộng giỏi nhất, và ruộng ấy là ruộng tốt nhất.”

Câu chuyện này thật đáng để chúng ta phản tỉnh, chúng ta có tự mình cày cấy ruộng tâm không? Có gieo xuống niềm tin thanh tịnh không, thừa ruộng của chúng ta là ruộng tốt hay xấu, khắp nơi điều thực hành thiện pháp,

tinh tấn, tâm có điều hòa nhu nhuyễn, dùng trí tuệ lại dẫn dắt không? Và có tầm quý, phạm sai lầm phát lồ sám hối, có phải chánh niệm không? Thân tâm khẩu ý đều thanh tịnh, có đoạn trừ tạp nhiễm phiền não, có liên tục không ngừng nghỉ, không làm biếng cây cày thửa ruộng tốt của thiện pháp không? Duy có liên tục không gián đoạn tu thiện pháp, trừ đi phiền não, mới có thể đạt được cam lồ giải thoát quả.

Trên đây là nội dung của câu chuyện, chúng ta cùng nhau sách tấn.

Phước Nghiêm, ngày 6 tháng 10 năm 2012.

Thợ làm cung biết khắc góc cạnh, người lái thuyền biết điều mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều thân

Hôm nay chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” thuộc “Đại Chánh tạng” tập thứ tư trang 587.

Ngày xưa có một vị Phạm Chí, hai mươi tuổi, rất thông minh, việc gì không kể lớn nhỏ hễ qua mắt là không quên. Anh ta tự cho rằng mình thông minh tuyệt đỉnh, liền lập ra một lời nguyện: “Kĩ thuật ở trên đời này đều biết hết, ta là đệ nhất thiên hạ! Nếu như bất cứ một loại nào không tinh thông, thì không phải là người thông minh hơn người.” Sau đó anh ta đi học hỏi với rất nhiều thầy giáo, cầm, kì, thư, nghệ, bao quát y dược, thiên văn địa lý, may mặc, nấu ăn, thậm chí đánh bài, ca kỹ v.v..., mỗi nghề đều rất tinh thông. Trong tâm nghĩ rằng “cái gì mình cũng có

khả năng, ai có thể hơn được mình?” Anh ta tính tiếp: “hay mình đi chu du khắp nơi thi thố với mọi người, nếu như tài nghệ đứng đầu thiên hạ, hy vọng có thể lưu danh thiên sử.”

Anh ta đến đất nước khác, nhìn thấy một người làm cung tên, thật sự rất phức tạp, ngoài cán của cung, còn có góc, dây, keo dán, dây buộc và nước sơn đây là sáu chất liệu cần thiết của người làm cung sử dụng. Chế tạo cung, “kỹ thuật khéo léo tinh luyện” này, điều chế cung tên rất nhanh, cung này làm ra có lực mạnh mẽ, cần mềm mại thì mềm mại, muốn bắn gần, bắn xa đều không có vấn đề gì.

Anh ta thoáng nhìn: “Ôi! Kỹ thuật làm cung tên này mình chưa từng học qua, lỡ thi cùng với ông ta thì mình nhất định thua cuộc.” Sau đó anh ta tìm thầy chế tạo cung tên để học. Vì anh ta rất thông minh nên học rất nhanh, thậm chí còn giỏi hơn cả thầy mình.

Sau đó anh ta lại đi đến một nước khác, muốn qua sông dài, rộng lớn, nhìn thấy người chèo thuyền, lái qua

phải, bẻ qua trái, tiến lên phía trước, lùi phía sau đều rất như ý. Nếu như không biết, thì thuyền sẽ cứ ở đó quay vòng vòng, mà còn mất sức nữa. Anh ta nhìn thấy kỹ thuật của người chèo thuyền quá giỏi, rất nhanh nhẹn, anh ta thầm nghĩ: “Mình sẽ không thi với ông ta, nếu như thi thì mình nhất định thua”. Sau đó lại bái người chèo thuyền làm thầy, anh ta học kỹ thuật rất nhanh và lại hơn cả thầy mình, cúng dường ít tiền tài, anh ta lại chào tạm biệt thầy ra đi.

Lại đến một nước khác, nhìn thấy cung điện của đức vua, thiên hạ không ai sánh bằng, anh ta nghĩ: “Cung điện của quốc vương này, nghệ thuật khắc họa trên rường cột, chế tác rất tinh tế, tuyệt mỹ; kỹ thuật, thước tấc, góc độ, các phương diện này thợ mộc đều làm rất tốt.” Anh ta nghĩ: “mình cũng chưa từng học qua! Đã muốn làm đệ nhất thiên hạ, cái này cũng mau nên học.” Sau khi học xong, lại vượt qua tài năng sư phụ của mình, rồi lại vái

chào thầy rồi ra đi.

Kể đến, anh ta đi qua mười sáu nước, không có địch thủ. Anh ta tỏ rất cao ngạo, tự đắc: “Tất cả những kỹ thuật đều biết cả, không có ai thắng qua được mình!”

Lúc bấy giờ, đức Phật đang ở tịnh xá Kỳ Hoàn, nhìn thấy người này có thể hóa độ, Ngài liền hóa thành một vị Sa môn, cầm gậy và bình bát đi qua đi lại trước mặt anh ta. Anh ta thoáng nhìn, từ trước đến giờ chưa nhìn qua người xuất gia, liền hỏi: “Ngài là người như thế nào? Ăn mặc không giống người thường, tay lại cầm bình bát, tôi hỏi giờ chưa bao giờ nhìn thấy, tóc lại cũng không giống mọi người.” Anh ta lại hỏi: “Ngài là người như thế nào?”

Phật hóa thành sa môn nói: “Ta là người điều phục thân tâm”.

Anh ta nghĩ: “Điều phục thân tâm để làm đệ nhất thiên hạ, điều này không đơn giản chút nào!”

Anh ta liền hỏi vị Sa môn: “Điều thân như thế nào?”

Vị Sa môn này nói: “Người chế tạo cung thì cần điều chế sáu thứ – dây cung, góc v.v...; người chèo thuyền thì phải biết cầm chèo, biết chèo, là người biết chế ngự thuyền; người xây dựng cung điện quốc vương, là người biết chọn gỗ, bào gỗ v.v... người có trí huệ là người biết điều thân.”

Thợ làm cung tên biết ngắm góc cạnh, người chèo thuyền biết điều mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều thân.

Ví như tảng đá nặng, gió thổi không lay động, người có trí huệ trầm tĩnh, không kể là hủy báng hay tán thán, đối với họ không có chút ảnh hưởng nào, không chút lay động “ví như nước sâu, tịch tĩnh trong vắt, người có trí huệ, tâm tịnh trong sáng.” Người có trí huệ lắng nghe đạo pháp, trong tâm thanh tịnh rất hoan hỉ.

Người muốn danh hiệu đệ nhất thiên hạ nhìn: “Trời ạ! Lại có người như vậy, vậy mình làm sao đệ nhất thiên hạ

đây?” Người đó liền hỏi: “Vậy ngài điều thân như thế nào? Lại có thần thông biến hóa?”

Vị Sa môn liền nói: “Ta nương trí huệ và đạo đức mới có năng lực điều thân.” Đức Phật dạy anh ta pháp điều thân, là phải phụng hành năm giới, mười giới, tứ vô lượng tâm, sáu ba la mật, lại có tứ thiền, ba môn giải thoát, những thứ này đều là pháp điều thân. “Người muốn làm trí huệ đệ nhất thiên hạ, thì người nên cố gắng tu học những pháp này.”

Đức Phật nói tiếp: “Người đã học những thứ như thợ cung tên, lái thuyền, hay là thợ kỹ xảo, thợ mộc làm cung điện v.v., học những thứ này ông đều phóng túng tâm ý, ông thật sự trở thành đệ nhất thiên hạ, nhưng cuối cùng vẫn luân hồi sinh tử ở thế gian có phải không? Vị Phạm chí sau khi nghe vui vẻ phát nguyện làm đệ tử Phật, từ đó không còn nhắc đến đệ nhất thiên hạ nữa.

Đức Phật liền nói: “Lành thay Tỳ kheo!” Râu tóc tự

roi xuống, đức Phật giảng cho anh ta pháp tứ đế, bát chánh đạo, anh ta rất nhanh chóng chứng đắc quả A la hán.

Phật Độ Người Lái Đò

Xin chia sẻ một câu chuyện nhỏ trong “Tuyển Tập Bách Duyên Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 215a~b.

Có một lần, đức Phật ở nước Ma Kiệt Đà dẫn các vị Tỳ-kheo du hành, đi đến bên bờ sông Hằng, muốn vượt sông sang bờ bên kia, có người lái đò ở đó nên đức Phật nói với ông ta: “Nhờ ông hãy đưa các vị Tỳ-kheo tới bờ bên kia”.

Người lái đò trả lời: “Đưa tiền trước, nếu không đưa tiền thì đừng bàn”.

Đức Phật nói với ông ta: “Ông là người lái đò, Ta cũng là người lái đò, ông lái đò chỉ là đưa chúng sinh vượt qua dòng sông của thế gian đến bờ bên kia; nhưng Ta độ chúng sinh trong ba cõi vượt qua biển lớn sinh tử, đến bờ Niết bàn. Cho nên ông lái đò Ta cũng là người lái đò. Giống

như giết người nhiều như hạt mè, sân hận nhiều như Cưu
 Quật Ma La, Ta cũng độ ông ta vượt qua biển khổ sinh tử.
 Như Ma Na Đáp Đà là người vô cùng kiêu mạn (Ma Na
 Đáp Đà trong kinh Tập A Hàm Kinh số 92 dịch là kiêu
 mạn Bà La Môn, ông ta vô cùng kiêu mạn), người Bà La
 Môn kiêu mạn như thế Ta cũng độ vượt qua biển khổ sinh
 tử; lại còn Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là người rất kém
 thông minh, không có trí tuệ, Ta cũng có thể làm cho khai
 mở trí tuệ, thoát khỏi biển khổ sinh tử. Giống như vậy,
 không cần biết đó là người có rất nhiều sân nhuế, hoặc
 kiêu mạn, hoặc nhiều ngu si, ngoài ra còn có vô lượng vô
 biên chúng sinh, Ta đều độ họ thoát ly biển khổ sinh tử,
 đạt đến bờ giải thoát, Ta đều không lấy tiền của họ, tại sao
 ông chỉ đưa các vị Tỳ-kheo này qua dòng sông của thế
 gian thì nhất định lấy tiền? Tỳ-kheo chúng tôi không cất
 chứa vàng bạc.” Thế Tôn còn nói rất nhiều pháp với ông ta,
 nhưng ông ta nghĩ đến tiền của nên vô cùng cương quyết

không đưa các Tỳ-kheo qua sông.

Lúc đó phía dòng sông cũng có những người lái đò khác, vừa nghe đức Phật giảng dạy, vô cùng hoan hỷ liền lại gần nói với Phật: “Đức Phật! Đức Phật! Ông ta không đưa Ngài qua sông, chúng tôi đưa quý vị qua sông, hãy lên thuyền của chúng tôi”. Đức Phật đồng ý.

Họ tức khắc chuẩn bị thuyền, nhưng lúc mời các vị Tỳ-kheo lên thuyền thì mới biết các vị ấy có vị có thần thông có vị chứng quả, thị hiện thần thông, người bay trên không trung, người trong dòng nước, người thì đã qua đến bờ bên kia.

Những người lái đò nhìn thấy Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo, hiện đủ các loại thần thông, đều tán thán việc hiếm có, cung kính lễ bái Phật và các vị Tỳ-kheo. Đức Phật vì họ thuyết pháp, những người lái đò rất vui mừng, liền chứng đắc sơ quả.

Người lái đò cứ một mực đòi tiền trước đó, nhìn thấy

cảnh tượng vừa rồi: “Ái dà! đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo vốn dĩ không cần ta đưa họ qua sông, thật ra họ chỉ tạo cơ hội cho ta trồng phước điền mà thôi, ta đã không biết nắm lấy cơ hội!” Ông cảm thấy rất xấu hổ nên liền thành tâm đánh lễ sám hối Phật cùng các vị Tỳ-kheo, hy vọng cúng dường chư vị buổi cơm trưa thịnh soạn để tạ tội, đức Phật liền đồng ý.

Ông cung thỉnh chư vị về nhà, chuẩn bị đồ ăn thức uống rất chu đáo, tự thân cúng dường. Cúng dường xong, thỉnh Phật thuyết pháp.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp xong, ông ta liền phát nguyện: “Nguyện công đức cúng dường này, làm cho tôi đời sau được chứng quả chánh đẳng chánh giác, độ khắp tất cả chúng sinh, giống như đức Phật.” Ông phát nguyện như thế, đức Phật rất vui mừng, liền phóng hào quang, an nhiên mỉm cười.

A Nan liền thỉnh vấn đức Phật: “Vì duyên có gì đức

Phật mỉm cười?”

Đức Phật bảo A Nan: “Người nhìn thấy người lái đò này, đã tự sám hối và thiết lễ trai tăng cúng dường không?”

A Nan trả lời: “Vâng, chúng con đã nhìn thấy.”

Đức Phật liền bảo với ngài A Nan: “Người lái đò này đã có công đức của sự sám hối và cúng dường, trải qua mười ba kiếp trong tương lai, không đọa trong ba đường ác, thường sinh trong trời và người hưởng thọ phước lạc; thân người cuối cùng chúng quả Bích Chi Phật, đức hiệu “Độ Sinh Tử Hải”. Tuy Bích Chi Phật không chuyển pháp luân rộng lớn giống như Phật, nhưng hiện thân thông độ được rất nhiều người. Chính vì nhân duyên ấy mà đức Phật mỉm cười.

Chư vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết xong, đều rất vui vẻ nghe theo.

Như vậy chúng ta cùng nhau nỗ lực.

Phước Nghiêm, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Phạm chí ngậm nước xúc miệng nhỏ trong bát ngài Xá Lợi Phất

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện nhỏ từ “Kinh Tạp Thí Dụ” trong “Đại Tạng kinh” tập 4 trang 506c~507a.

Ngày xưa ở thành Xá Vệ có một vị Phạm chí giàu có, tài sản nhiều vô số kể và cũng rất thông minh, nhưng lại bị rơi vào tà kiến không tin có thiện ác nhân quả nghiệp báo, ông ta cho rằng bỏ thí hành thiện căn bản không có lợi ích gì.

Lúc đó ngài Xá Lợi Phất dùng đạo nhãn quan sát, phát hiện trong quá khứ vị trưởng giả Phạm chí đã có rất nhiều phước đức nên kiếp này mới được sinh trong gia đình phú quý, nhưng lại tham lam hưởng thụ, nếu như không khéo tu thiện tích lũy phước đức, tương lai nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác đạo; Xá Lợi Phất khởi tâm bi mẫn muốn hóa độ ông ta. Vì vậy Ngài Xá Lợi Phất hiển thị thần túc

thông, cầm bình bát đến nhà Phạm chí này khát thực.

Lúc đó vị Phạm chí vừa mới ngồi xuống ăn cơm, vì ông ta không có chánh kiến, mới nhìn thấy Xá Lợi Phát liền giận dữ, muốn đẩy ngài ra khỏi cửa, bèn kêu quần gia đánh Xá Lợi Phát, sau đó tự rửa tay tiếp tục ăn cơm. Khi ấy Xá Lợi Phát đứng ở bên cạnh, Phạm chí đã không mời ngài ngồi, cũng không đuổi đi, chỉ ngồi lo ăn cơm một mình. Ăn cơm xong, Phạm chí rửa tay, đánh răng súc miệng, cuối cùng ngậm một miếng nước bước tới nhỏ vào bát của Xá Lợi Phát, rồi nói: “Ngụm ước này bố thí cho ông, ông đem về đi!”

Xá Lợi Phát không sân giận mà còn nói một câu chúc phúc: “Cầu cho ông được thọ hưởng phước báu lâu dài vô lượng vô biên.”

Khi ấy ông trưởng giả rất sợ hãi, có lẽ vì sợ Xá Lợi Phát loan truyền hành vi vô lý của mình, liền phái người nhà đi theo dõi động tĩnh của ngài.

Xá Lợi Phất đi thẳng về tịnh xá, đem ngụm nước xúc miệng trộn với bùn đắp trên đường đức Phật đi kinh hành (vì đường đi kinh hành lồi lõm không bằng, Xá Lợi Phất đem đắp cho nó bằng phẳng). Xá Lợi Phất thưa với Đức Phật: “Vị Phạm chí giàu có nhưng vì duyên xan tham, chỉ bố thí cho con ngụm nước xúc miệng, giờ con đem ngụm nước trộn với bùn đắp trên đường kinh hành, hi vọng Ngài đi trên đó và chúc phúc cho ông ta được hưởng phước lâu dài vô lượng”. Đức Phật cũng thuận theo tâm ý của Xá Lợi Phất mà đi kinh hành trên đó.

Lúc đó người của trưởng giả phái đi thấy hành động của Xá Lợi Phất như vậy, cảm thấy rất ngạc nhiên liền chạy về thưa với trưởng giả rằng: “Đức Phật nếu như không xuất gia, vốn có thể là bậc chuyển luân thánh vương, nay ngài xả bỏ ngôi vị chuyển luân thánh vương, xuất gia làm Sa môn bung bát khát thực, cũng không phải là tham cầu thức ăn ngon mỹ vị, mà là mượn cơ duyên khát thực

ấy, để chúng sinh trông phước điền, và cũng tùy duyên vì chúng sinh thuyết pháp, dụng tâm của ngài tốt vô cùng!”
 Người làm đem những gì mình thấy nghe đều trình bày cụ thể cho trưởng giả.

Vị trưởng giả nghe rồi rất xấu hổ đối với hành vi vô lễ, thô lỗ của mình, và cảm thấy vô cùng hối hận, sau đó ông ta đem tất cả mọi người trong nhà bao gồm lớn nhỏ tức tức đến chỗ đức Phật hướng về ngài sám hối và thưa rằng:
 “Con thật quá ngu ngốc! Đã mạo phạm đến bậc thánh của hàng xuất gia, cầu mong Ngài từ bi thương xót, tha thứ cho tội lỗi nặng nề của con!”

Đức Phật lập tức truyền thọ tam quy y và thuyết pháp cho vị Phạm chí này, kết quả vị trưởng giả nhanh chóng đạt tới tâm ý khai mở, đoạn trừ phiền não, đạt được quả vị bất thối chuyển.

Câu chuyện này xứng đáng để chúng ta suy nghĩ. Ngài Xá Lợi Phất bung bát khát thực, gặp chúng sinh hủy nhục

vô lễ, đều có thể im lặng nhẫn nhục, mà lại còn chúc phúc đối phương được hưởng thọ phước báu vô lượng vô biên lâu dài, việc này đáng để chúng ta học tập, mọi người cùng nhau cố gắng.

Phước Nghiêm, ngày 7 tháng 01 năm 2012

Buông xả cung tên dao búa ở trong tâm

Hôm nay chia sẻ với quý vị một câu chuyện về sự tích Đức Phật từ “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” trong “Đại Chánh Tạng” tập 4 trang 578b~c.

Khi Đức Phật còn tại thế, ở nước Xá Vệ có một gia đình nghèo khổ, vợ chồng đều rất tham lam ích kỷ, tính tình hung bạo, không tin vào thiện ác nhân duyên quả báo. Đức Phật thương xót họ ngu si, bèn thị hiện thành một vị sa môn bình dị, nghèo khổ, đến nhà của họ khát thực. Lúc đó người chồng đi vắng, chỉ có người vợ ở trong nhà, khi thấy có người đến khát thực, bà ta liền mở miệng mắng nhiếc, không có một chút đạo lý gì.

Phật hóa ra vị sa môn bèn nói với bà ta rằng: “Ta là người tu hành, lấy việc khát thực để duy trì mạng sống, bà không nên tùy tiện la mắng vô lý như vậy, ta đến đây chẳng qua chỉ xin một miếng cơm mà thôi.”

Người phụ nữ này nói: “Nếu ông có chết ngay lập tức, tôi cũng sẽ không có cho ông bất cứ thức ăn nào, huống chi ông hiện tại nhìn khỏe mạnh như vậy, lại mong muốn tôi cúng dường là sao? Đừng có mong! Ông ở đây chỉ có lãng phí thời gian, không bằng mau đi chỗ khác .” Lúc đó vị sa môn mà Phật hóa hiện, đứng trước mặt bà chủ nhà liền trợn mắt, thở ra một hơi rồi hiện ra tướng chết, thân thể đó liền sinh lên, lở loét, lại có rất nhiều côn trùng bò ra từ miệng mũi, lại còn từ bao tử ruột rà nhầy nhụa ghê tởm từ khắp nơi trên cơ thể chảy ra. Người phụ nữ nhìn thấy giật mình thất sắc, không nói được một câu, liền bỏ người sa môn kinh hoàng trốn chạy. Vị sa môn này không bao lâu liền bỏ đi, đến được mấy trăm mét rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây.

Sau đó, người chồng trên đường về thấy bộ dạng vợ sợ hãi như vậy, mới hỏi là đã có chuyện gì đã xảy ra.

Người vợ nói: “Đều là do ông sa môn đó! Hại tôi sợ

hãi đến như vậy”

Người chồng rất giận dữ hỏi: “Ông sa môn đó đang ở đâu?”

Người vợ đáp: “Đã đi rồi nhưng chắc chưa xa lắm.”

Người chồng bèn cầm cung tên và dao, lần theo dấu vết truy đuổi người tu hành.

Vị sa môn này liền dùng thần thông biến hóa một thành lưu ly nhỏ bao quanh, tự mình an trú ở trong đó để cho thành lưu ly bảo hộ. Người chồng cầm cung tên đi xung quanh vòng thành muốn đi vào, nhưng đã đi mấy vòng vẫn không có cửa để vào, liền hỏi thúc đạo sĩ: “Tại sao không mở cửa”.

Vị sa môn nói: “Ông muốn tôi mở cửa cũng được! Nhưng ông phải bỏ cung tên và dao búa xuống.”

Cuối cùng ông ta thâm nghĩ: “Mình tạm thời nghe lời ông ta, nếu như để cho mình vào được thành, thật ra không có cung tên và dao búa, dựa vào nắm đấm tay

không mình cũng có thể đánh ông ta toi tả.” Do đó, ông liền bỏ cung tên và dao búa xuống.

Nhưng rồi cửa vẫn không mở, ông ta lại hỏi: “Tôi đã bỏ hết xuống rồi, sao lại chưa chịu mở cửa?”

Vị sa môn bèn nói: “tôi muốn ông bỏ cung tên và dao búa ác niệm ở trong tâm, chứ không phải muốn bỏ cung tên và dao búa ở trên tay!”

Người chồng nghe rồi giật mình: “Người tu đây nhất định là một vị thánh giả có thần thông, chứ làm sao biết được mình đang nghĩ gì ở trong tâm?” Do đó ông ta đã đập đầu sấm hỏi với vị tu hành và nói: “Đều là do người vợ vô trí của tôi ở nhà, bà ấy đã không nhận ra được ngài là bậc thánh giả đã chứng ngộ, đã hại tôi khởi ác niệm giết người. Hy vọng ngài từ bi thương xót, không nên bỏ mặc chúng tôi! Tôi lập tức về nhà dắt vợ tôi đến sấm hỏi với ngài, và hy vọng khuyên bà ấy theo ngài cùng tu hành.” Nói xong ông ấy liền quay về nhà.

Sau khi ông về nhà, người vợ liền hỏi: “Người sa môn đó như thế nào rồi? Ông ta đang ở đâu?”

Người chồng kể cho vợ nghe những chuyện thần thông biến hóa của người tu hành và nói: “Ngài hiện còn ngồi ở dưới gốc cây bên kia, bà mau đến đó sám hối với ngài, để diệt trừ những tội lỗi đã phạm.”

Rồi khi đó hai vợ chồng đến, năm vóc sát đất đánh lễ sám hối với vị sa môn và phát nguyện làm đệ tử của ngài. Hai người quỳ thưa: “Ngài là bậc thánh nhân có thần thông rất tài, lại có thể biến hóa thành lưu ly bảo hộ khó có thể vượt qua, tâm trí của ngài rất trong sáng, ý chí rất kiên định, không có sự buồn phiền khổ não, ngài tu hành như thế nào mà đạt được cảnh địa nhiệm mầu như vậy?”

Vị sa môn này nói: “Tôi vì học rộng nghe nhiều không biết nhàm chán, y giáo phụng hành chánh pháp tinh tấn không giải đãi, mà còn rất tinh tấn, trì giới tinh nghiêm, có trí huệ, không phóng dật, đầy đủ những nhân

duyên như vậy mới đắc đạo, đoạn trừ tất cả phiền não mà đắc được cảnh giới Niết bàn.”

Và rồi đạo nhân nói một bài kệ, nêu rõ sự lợi ích và sự quan trọng của việc nghe nhiều, đại ý như sau: Nhờ sự nghe nhiều mà khiến cho đạo tâm, sự tu hành càng thêm kiên cố, phụng hành chánh pháp làm bức tường thành bảo hộ mình (cũng giống như tường thành lưu ly bảo hộ mình, không bị giặc phiền não xâm nhập) nhân vì tinh tấn mà đoạn ác tu thiện, không phạm quy củ, không hủy hoại giới hạnh, nhân đây giới đức và trí huệ được thành tựu.

Nghe nhiều khiến cho tâm trí được sáng suốt, tâm trí sáng suốt rồi trí huệ sẽ tăng trưởng; trí huệ tăng trưởng thì quảng thông kinh giáo thâm nhập hiểu rõ pháp nghĩa; thâm nhập hiểu rõ pháp nghĩa tu hành sẽ an ổn.

Nghe nhiều có thể trừ ưu phiền (nếu như đối với chánh pháp không hiểu rõ hoặc là cùng lúc phạm giới, phiền não,

tu hành sẽ không an ổn, sẽ bị ưu phiền; nếu như trong tâm không có ưu phiền thì đạt được thiền định dễ dàng) có thiền định tự nhiên hoan hỷ vui vẻ, không chỉ khéo làm người diễn thuyết pháp môn cam lộ giải thoát, mà mình y pháp phụng hành đạt được Niết bàn.

Nghe nhiều có thể biết được chánh pháp và giới luật, không chỉ giải trừ nghi hoặc cho mọi người, tự mình cũng hiểu rõ chánh kiến, thể hiện chánh pháp; nghe nhiều có thể xả bỏ các hành vi tội lỗi không đúng chánh pháp, y pháp tu hành đạt được cảnh giới giải thoát cứu cánh bất tử.

Vị sa môn giảng xong bài kệ, liền trở lại thân Phật, tướng hảo trang nghiêm, phóng đại quang minh, ánh sáng hào quang của Phật rực rỡ chiếu khắp trời đất. Đôi vợ chồng này rất kinh ngạc: “Ôi! Vốn là đức Phật từ bi thị hiện hóa độ chúng con!” Họ cảm thấy hổ thẹn và bàng hoàng, vì vậy quyết tâm trừ ác hướng thiện, cải tâm

sửa tánh thành tâm hướng về Phật đánh lễ sám hối, diệt trừ mười hai ức tội lỗi từ nhiều kiếp đến nay, cuối cùng đã chứng được sơ quả.

Câu chuyện này có vài chỗ đáng để chúng ta phản tỉnh.

Chúng ta nhất định không nên kết oán, tranh đấu với mọi người, nên lấy từ bi đối đãi mọi người, không chỉ bỏ cung tên, dao búa ở bên ngoài, còn cần phải bỏ cung tên và dao búa trong nội tâm!

Ngoài ra, thân cận thiện trí thức, lắng nghe chánh pháp vô cùng quan trọng, như “Đại Tỳ Bà Sa Luận”¹ và trong “Giáo Chế Giáo Điển Và Giáo Học”¹ của đạo sư Ấn Thuận nhắc đến: “Nghe nhiều có thể biết pháp, nghe nhiều có thể lìa tội, nghe nhiều xả bỏ việc vô nghĩa, nghe nhiều đạt được Niết bàn.”

Nghe chánh pháp nhiều mới phân biệt thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là chánh, thế nào là tà. Nhờ sự nghe

¹ “Luận Đại Tỳ Bà Sa” Đại Chánh tập 27, trang 731a15~16.

nhiều, biết được “quả báo vui của thiện, quả báo khổ của ác, không phải không có quả báo, thời gian chưa tới mà thôi”, nhân đó xa lìa tội lỗi, trừ ác hướng thiện; do lắng nghe chánh pháp đối với những khổ hạnh không có lợi ích sẽ không làm nữa; vì đã nghe chánh pháp, có chánh tri chánh kiến, có thể thâm tín nhân quả, trì giới kiên cố, không có ưu phiền, thân tâm an định sẽ dễ dàng đắc thiền định, và dẫn đến phát triển trí huệ trừ tất cả phiền não, chúng được giải thoát niết bàn.

Những điều trên khuyến khích cùng mọi người.

Phước Nghiêm, ngày 10 tháng 12 năm 2011

Ưu não ngu si không bỏ, đao kiếm tên độc làm sao bớt

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Đa Văn” thuộc “Đại Chánh Tạng” tập 4, trang 579b~c.

Trước đây, trong nước La-duyệt-kỳ (nước Ma Kiệt Đà) ở phía Nam có một ngọn núi lớn, cách kinh thành khoảng 200 dặm, các quốc gia ở phương Nam muốn giao thương qua lại đều phải đi qua ngọn núi này. Ngọn núi khúc khuỷu hiểm trở, ở đó có 500 đạo tặc, chúng nương vào thế núi cao hiểm trở nên thường tổ chức cướp bóc, chiếm đoạt tài sản của người qua đường, do địa hình núi rừng hiểm yếu họ phóng túng hống hách lộng hành, làm càn làm quấy, không sợ điều cấm kỵ gì, có rất nhiều thương nhân bị cướp bóc tài sản, tổn thất nặng nề, ai ai cũng sợ đi ngang đoạn đường ấy và họ coi đó là con đường nguy hiểm đáng sợ. Bọn đạo tặc thậm chí cắt đứt con đường giao thông liên

lạc của quốc gia và các quốc gia khác, mặc dù nhà vua phái binh mã đến bao vây truy kích, nhưng vẫn không bắt được bọn họ.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang hoằng hóa ở nước La-duyệt-kỳ, biết được trên núi có bọn đạo tặc lộng hành, một mặt vì thương xót chúng sinh trước nỗi đau khổ khi bị bọn họ xâm hại, còn trên phương diện khác, Ngài thương xót bọn đạo tặc không biết tội nghiệp, phước báo, cho đến việc Như Lai xuất hiện trong đời mà bọn họ cũng chưa đủ nhân duyên được gặp, tuy mỗi ngày Đức Phật đều thuyết pháp, tiếng ấy vang như sấm, mà họ thì như điếc. Trong tâm đức Thế Tôn nghĩ: “Nếu Ta không đi hóa độ họ, thì bọn đạo tặc này nhất định bị đọa vào ba đường ác, như ném viên đá rơi xuống vực sâu, khó thoát khỏi!”

Vì vậy, đức Thế Tôn hóa thân thành một người phú quý, khoác trên mình y phục hoa lệ, cưỡi lên ngựa, mang theo kiếm, tay cầm cung, ngồi trên yên, nắm dây cương,

các loại trang sức đó đều sử dụng chất liệu vàng bạc, rồi còn treo cho ngựa các thứ vàng ngọc châu báu. Người phú quý này nhảy lên ngựa, dương cung, cố ý phát ra tiếng vang rồi tiến vào trong sào huyết.

Bọn đạo tặc thấy người phú quý đeo các loại trang sức như thế mà lại tự đi vào sào huyết, họ đều nghĩ rằng lấy trộm những vật đó như lấy đồ trong túi áo, dương dương tự đắc, trong bụng nghĩ: “Đi ăn trộm cướp bao nhiêu năm nay, chưa từng gặp việc đơn giản như thế này, người phú quý lại đơn thân độc mã, mà đối diện với bọn đông đảo chúng ta, giống như lấy trứng chọi đá, tất bại trận đâu còn nghi ngờ gì.”

Vì thế đạo tặc dốc toàn lực lượng bao vây mấy vòng người phú quý, ai ai cũng giương cung cầm kiếm, trùng trùng sát khí muốn đoạt lấy tài vật của người phú quý. Nhưng họ không nghĩ ra người phú quý này (do đức Phật hóa thân) liền nắm cung tên, một mũi tên bắn ra thì hóa

thành 500 mũi, kết quả 500 bọ đao tặc mỗi người trúng 1 mũi; sau đó người phú quý này rút bảo kiếm vẽ một đường, thì 500 người này mỗi người nhận một nhát. Vì trúng đao rất nặng, trúng tên rất sâu nên bọ đao tặc đau đớn vô cùng té ngã nghiêng ngả.

Năm trăm bọ đao tặc lăn lộn cuống cuồng, bái lạy người phú quý tha mạng, mọi người đều rất kinh ngạc: “Kính thưa ông là thần thánh từ đâu tới? Mà có thần lực như vậy! Xin ông thương xót chúng tôi mà lượng thứ, tha cho chúng tôi mạng sống này! Hy vọng ông sớm giúp nhỏ bỏ mũi tên trên thân thể, để cho vết thương của gươm chém và tên đâm mau bình phục, bởi vì vết thương này quá đau đớn, khiến chúng tôi không thể chịu nổi!”

Người phú quý nói rằng: “Nỗi đau của vết thương này cũng chưa gọi là đau, mũi tên sâu như thế cũng chưa gọi là sâu, vết thương lớn nhất của cuộc đời này không gì hơn đó chính là “ưu não”, tàn hại người sâu nhất không gì hơn

“ngu si”, các người còn bị sự ưu sầu khổ não tham lam tài vật của tha nhân, và còn ngu si vô minh tàn hại chúng sinh đơn độc một cách vô cơ, các loại phiền não trong nội tại này chưa lìa bỏ, thì các vết thương từ bên ngoài do gươm chém trúng tên độc không có phương pháp nào điều trị được. Hai việc tham ưu và ngu si này, đã có gốc rễ thâm sâu, cho dù một người dũng sĩ có sức mạnh tráng kiện cũng không thể nhổ bỏ! Chỉ có cách thường xuyên nghe Kinh pháp Giới luật, nương vào trí tuệ hiểu rõ ý nghĩa các pháp, mới đủ sức điều trị tâm bệnh, nhổ bỏ phiền não, ái trước, ngu si, công cao ngã mạn, hàng phục được cương, cậy quyền ý thế dựa vào giàu sang, tham dục. Tích lũy phước đức, học tập trí tuệ, mới đủ khả năng trừ bỏ nó, mới đạt được giải thoát yên ổn lâu dài.”

Lúc ấy người phú quý này hiện về với thân hình đức Phật, tướng tốt trang nghiêm, diện mạo sắc vàng vô cùng thù thắng vi diệu, và đối với mọi người giảng dạy một bài

kệ:

Nỗi khổ của vết thương do gươm đao, không bằng nỗi khổ của tham dục ưu não đem đến. Nỗi khổ của bị trúng tên độc, cũng không bằng nỗi khổ của ngu si vô minh đem đến. Ngu si vô minh đem đến nỗi khổ ấy, càng khổ hơn so với bị trúng cung tên; bị trúng cung tên chỉ nguy hiểm tính mạng một đời người, nhưng do vô minh đem lại cái khổ ấy là nhiều đời nhiều kiếp. Như vậy tham dục ưu não với ngu si vô minh, khiến cho thân thể khỏe mạnh cường tráng như dũng sĩ cũng không có cách nào nhổ được; chỉ có cách tu học chánh pháp mới trừ diệt hết.

Giống như người mù chữ học nhiều thì có đôi mắt sáng hiểu biết, như người trong bóng tối được ánh đèn chiếu sáng soi. Như Lai giảng dạy Phật pháp hướng dẫn mọi người, giống như người có đôi mắt sáng dẫn dắt người mù vậy.

Nếu như muốn trừ bỏ ngu si vô minh và lìa khỏi ngã

mạn do dựa vào phú quý quyền thế, hưởng thụ dục lạc v.v... các loại phiền não tập khí xấu, thì nên nỗ lực tu học và cung kính thân cận học tập người có trí tuệ đa văn, đó mới là người biết tích tập phước đức trí tuệ.

Năm trăm đạo tặc tận mắt thấy được ánh hào quang tướng hảo và nghe được bài kệ của đức Phật, nên cùng nhau hướng về đánh lễ Ngài, chí thành sám hối, và quy y đức Phật, ngay lúc ấy các vết thương liền khỏi hẳn. Mọi người cảm thấy vô cùng hoan hỷ, trong lòng phơi phới, cầu thọ năm giới, từ đó nơi biên cương này yên ổn, nhân dân đều vui vẻ.

Câu chuyện này có một số điều nhắc nhở chúng ta phải phản tỉnh: Đừng quá áp ủ nỗi đau của ưu sầu phiền não từ thân thể của chính mình, đó chỉ là loại vết thương bên ngoài như do đao gươm tên độc thôi, còn nỗi khổ bên trong do tham cầu ngu si vô minh mới thực sự là khổ. Chỉ có cách loại bỏ độc tố của tham dục ưu não vô minh ba

loại độc này, thì vết thương kia mới giải trừ mạnh khỏe được.

Mọi người cùng nhau tinh tấn!

Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 12 năm 2012

Nhân Duyên Đức Phật Hóa Độ Bà Lão Trong Thành Xá Vệ

Tôi chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Kinh Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 15 trang 675c~677a.

Có lần phụ thân của Đức Phật là vua Tịnh Phạn hỏi Ngài: “Pháp xuất thế gian có những lợi ích gì mà khiến cho chúng sinh có thể an lạc?”

Lúc đó Thế Tôn trả lời Đại Vương Tịnh Phạn: “Thành Xá Vệ có trưởng giả Tu Đạt, trong nhà có bà lão quản gia rất cẩn thận, chăm chỉ giữ gìn gia sản. Thừa mệnh của trưởng giả, trông coi kho tài sản, tài vật xuất kho hay sử dụng toàn quyền đều giao phó cho bà xử lý, còn Tu Đạt thường cung thỉnh Đức Phật, và Tặng chúng cúng dường vật dụng hàng ngày.

Vào lần kia có Tỳ Kheo bị bệnh, cần đồ dùng nhiều hơn, nhưng bà sinh tâm keo kiệt, bủn xỉn, nên vô cùng

buồn bã, không chịu nổi liền than thở, oán trách Phật, Pháp và cả Tăng chúng, bà nói: “Trưởng giả của gia đình chúng ta thật ngu si, bị sa môn dùng pháp thuật mê hoặc. Những vị Tỳ Kheo này giống người ăn xin không khác, tham không chán, có đạo hạnh gì để nói chứ? Cứ như thế sau khi nói xong lại phát một lời ác nguyện: “Nguyện tôi không muốn nghe đến Phật và tên của Tăng chúng, càng không muốn nhìn thấy những vị xuất gia đầu tóc mặc Tăng phục”

Lời nguyện ác này bị một người nghe được, vị này nói cho người khác nghe nữa, cứ như thế truyền qua nói lại cả thành Xá Vệ đều biết.

Vương Hậu Mạc Lợi phu nhân nghe xong tin này, bà nói: “Trưởng giả Tu Đạt đẹp như một đóa hoa sen, mọi người rất vui khi nhìn thấy ông ta, nhưng tại sao bên cạnh lại có một con rắn độc đến bảo vệ ông ta? Thật đáng tiếc! Hoàng hậu bèn hạ lệnh cho trưởng giả Tu Đạt rằng: “Ông

gọi vợ của ông đến đây, tôi có chuyện muốn nói với bà ta.”

Vợ của trưởng giả Tu Đạt vội vàng đến trước hoàng cung, sau khi lễ lạy Hoàng hậu xong đứng qua một bên, Mạc Lợi phu nhân mời bà ta ngồi, liền hỏi bà ta: “Người hầu của gia đình cô ác khẩu hủy báng Tam bảo, tại sao không đuổi bà ta đi?”

Vợ của Tu Đạt đang quỳ và trả lời: “Phu nhân! Phu nhân! Đức Phật xuất thế, mang đến lợi ích thấm nhuần vô lượng vô biên cho chúng sinh. Tức khiến ông Ương Quật Ma La, người đại ác mang chuỗi bằng ngón tay, đức Phật đều hóa độ, hoặc người thấp hèn giống như Ni Đề dọn phân uest, Đức Phật đã hóa độ... Đức Phật cũng điều phục họ, huống gì chỉ là một người già, tại sao lại không có phương pháp điều phục chứ? Như thế cũng không có vấn đề gì mà!”

Mạc Lợi phu nhân nghe xong, tâm nghĩ: “Đúng rồi!” Hoàng hậu cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bà liền nói: “Tôi

muôn thỉnh Phật đến hoàng cung, cô cũng đưa người hầu này đến hoàng cung. Ngày mai trong khi dùng cơm. Tôi sẽ thỉnh Đức Phật, và có cả chúng Tăng đến hoàng cung tiếp nhận cúng dường”.

Vợ của trưởng giả Tu Đạt sau khi về đến nhà bèn thuật lại tình huống Mạc Lợi phu nhân đã ban, trưởng giả liền sai bà lão mang một cái bình báu đựng đầy Ma ni bảo châu, đem đến hoàng cung, tán thán và giúp đỡ nhà vua việc cúng dường Tăng chúng, nhưng ông ta không nói với người hầu: “Tôi muốn bà đi cúng dường Tăng chúng” ông không nói như thế, ông chỉ nói với người hầu rằng “Tôi giao cho bà đem vật báu dâng lên quốc vương, cung tiến cho nhà vua, người hầu nghe người chủ giao cho nhiệm vụ quan trọng như vậy, nên bà ta rất vui mừng lên đường làm nhiệm vụ.

Mạc Lợi phu nhân đã nhìn thấy người hầu đến, Hoàng hậu liền nghĩ: “Con người tà kiến này hủy báng Tam bảo,

Đức Phật sẽ vì bà ta hóa độ, lúc ấy tôi đứng bên cạnh thế nào cũng hưởng được lợi ích pháp lạc.”

Ngay lúc đó Thế Tôn tiến vào cổng chính của cung điện. Ngài Nan Đà đi bên trái, Ngài A Nan đi bên phải, Ngài La Hầu La đi sau Đức Phật. Người hầu vừa nhìn thấy Đức Phật xong, trong lòng sợ hãi đến lông tóc đều dựng đứng, trong tâm nghĩ: “Người này thật đáng ghét. Đi phía sau tôi thế mà bây giờ cũng đến đây rồi.” Bà ta đi lui lập tức, liền từ lỗ chó chạy muốn trốn đi, lỗ chó lại đóng kín mít, trong một lúc đường bốn bề đều đóng kín. Chỉ có cửa chính mở. Như thế không biết làm sao, người hầu chỉ còn phương pháp từ cổng chính trốn thoát, bà ta liền dùng quạt che mặt, không muốn nhìn thấy Đức Phật.

Nhưng Đức Phật cứ ở phía trước, lại làm cho cây quạt này biến hóa thành giồng như một tấm gương sáng, không có vật ngăn cản, khiến cho bà ta không thể không nhìn thấy Đức Phật. Sau đó bà ta chuyển bên hướng Đông, đức

Phật tại hướng đông xuất hiện; hướng Nam, đức Phật cũng tại hướng Nam xuất hiện, qua hướng Tây, đức Phật cũng xuất hiện ở hướng Tây. Chuyển hướng Bắc, đức Phật cũng xuất hiện ở hướng Bắc, cũng ở trên, cúi đầu xuống, cả mặt đất đều là đức Phật. Không biết làm sao cả, bà ta cứ trực tiếp dùng tay che mặt, thế mà cả 10 ngón tay đều biến hóa thành đức Phật, bà ta không biết làm sao phương pháp tốt nhất chỉ có cách nhắm mắt kín lại, nhưng nhục nhãn tuy đang nhắm lại, nhưng mắt tâm cứ mở ra, nhìn thấy trong hư không hết thảy hóa Phật biến khắp cả mười phương thế giới.

Khi đức Phật hóa hiện các loại biến hóa, trong Thành Xá Vệ vốn có 25 Càn Đà La nữ, 50 vị Bà La Môn nữ, và còn có nhiều chúng nữ khác, Mạc Lợi phu nhân trong cung cùng cung nữ.

Trong quá khứ những người này đối với Tam Bảo sinh tâm hủy báng, không tin Phật pháp; nhưng bây giờ nhìn

thấy đức Phật dạo chơi trong hư không vì bà ta mà hiện vô số thân tướng, tất cả có 500 người vốn hủy báng Tam Bảo; trong chốc lát phá trừ mạng lưới tà kiến, những vị nữ chúng này cùng nhau đánh lễ Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn dùng tiếng Phạm Âm an ủi họ: “Các vị nữ chúng! Bây giờ quý vị có thể xưng tụng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật. Do xưng hô danh hiệu của Phật, quán tưởng tướng hảo trang nghiêm Phật, nhân duyên đó có thể khiến cho quý vị đạt đến giải thoát.”

Đức Phật dạy những lời đó xong, các vị nữ chúng đồng thanh hô to: “Nam Mô Phật!” Cũng chính là quy y Phật. Lúc đó giữa chận mày của đức Phật phát hào quang trắng, chiếu sáng tâm của chúng nữ, họ nhìn thấy oai nghi đức Phật, cử chỉ đều vô cùng ung dung, đĩnh đạc, và còn dưới chân đức Phật phóng ra rất nhiều hoa, giống như hoa dùng làm bảo cái, hoa tuyệt đẹp nhiều xum xuê không thể tính hết. Chúng nữ nhìn thấy đức Phật xuất hiện vô số biến

hóa, liền phát khởi vô thượng tâm Bồ đề. Có thể gặp đức Phật tôn quý, tức khiến trong tâm chứa đầy những tà kiến, như bà lão không có tâm chánh tín, cũng có thể diệt trừ tám mươi vạn ức kiếp trong tội sinh tử, hưởng gì xuất phát từ thiện tâm lễ bái cung kính.

Bà đã nhìn thấy Phật, cửa của con hẻm nhỏ liền mở ra, người phụ nữ vội vã chạy về nhà, nói với người chủ của bà ta là ông Tu Đạt: “Ông chủ! Ông chủ! Tôi hôm nay gặp người đại ghét - Sa Môn Cù Đàm, ông ta ở tại cửa vương cung, trước mặt đại chúng trở tài nhiều loại yêu tà huyền thuật, thân thể giống như núi vàng hình dáng cánh hoa của màu sắc sáng chói, mắt xa xa vươn lên hoa sen xanh mỹ lệ, có vạn ức tia sáng cũng không thể trong một lúc nhìn thấy rõ vị sa môn này ông ấy tinh thông huyền thuật. Tôi nhận thấy! Trên thế giới này không ai có thể hơn ông ta. Ông chủ, ngài vẫn còn trẻ, không nên mê đắm những huyền thuật này!” Bà ta cứ như thế khuyên ông chủ một hồi. Sau

khi nói xong bà ta núp vào cái lồng gỗ, dùng mười tấm da che trên ấy còn dùng vải sợi bông bao trên đầu lại, thân thể bà núp trong chỗ tối tăm.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn từ vương cung muốn trở về Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, Mạc Lợi phu nhân liền hướng về Thế Tôn thưa: “Xin cầu đức Phật trước hóa độ người phụ nữ tà kiến này, tạm thời không nên về Tịnh Xá”.

Đức Phật nói với Mạc Lợi phu nhân: “Người phụ nữ này tội chướng thêm nặng, không có duyên với ta, nhưng bà ta có nhân duyên rất lớn với La Hầu La. Tôi hôm nay đến đây, chỉ có thể dứt trừ bỏ tội chướng, nhưng độ bà ta thì cần có duyên, La Hầu La người có duyên với bà ấy, thì mới độ được”. Sau khi nói xong đức Phật liền trở về Tịnh Xá, và nói với La Hầu La: “Con nên đến nhà trưởng giả Tu Đạt, hóa độ người phụ nữ tà kiến này”, khi đức Phật nói đến đây, đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo thường tùy tùng theo Ngài, đều nói: “Chúng tôi

muôn cùng La Hầu La đi đến đó”.

Lúc đó, La Hầu La được sức oai thần của đức Phật, nhập như ý định, sau khi lễ lạy, hướng bên phải đi nhiễu quanh Đức Phật 7 vòng, tự mình biến hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương có Thất Bảo: Kim Luân Bảo, Tượng Bảo, Ngọc nữ bảo, Chủ Binh Thần Bảo, và có Chủ Tàng Thần Bảo cai quản tài vật v.v..., và có một ngàn người con.

La Hầu La tự mình biến hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương, A Nan đi bên phải, A Nan Đà theo bên trái, còn một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo này liền biến hóa thành con, Chuyển Luân Thánh Vương vốn chỉ có một ngàn người con, Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, tức vượt quá hơn hai trăm người, đoàn người uy nghiêm cùng tiến bước. A Nan liền hóa hiện thần Chủ Tàng cai quản tài vật, Nan Đà chủ binh thần trông coi quân sự, Chuyển Luân Thánh Vương có 7 loại báu và 4

loại binh chủng: tượng binh, xe binh, mã binh, và có cả bộ binh, toàn bộ đầy đủ.

Lúc bấy giờ, Kim Luân Bảo ở trong hư không ngồi đài liên hoa, liền trực tiếp hướng dẫn mọi người đi đến nhà trưởng giả Tu Đạt. Lúc đó dạ xoa tuyên xưng: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế!” Chuyển Luân Thánh Vương và đức Phật đều giống nhau rất hiếm khi xuất thế. “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, có thể có những ác nhân xa lìa, tuyên dương thiện pháp”, người phụ nữ này sau khi nghe câu này xong, bà ta vô cùng phấn khởi, trong tâm nghĩ: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế rồi, sẽ có như ý bảo cùng xuất hiện, mong sao tôi có thể nhìn thấy như ý bảo này. Như ý bảo châu này, nếu được nhìn thấy, những nguyện vọng trong tâm sẽ có thể trở thành hiện thực. Bà ta nói: “Tôi nếu nhìn thấy Chuyển Luân Thánh Vương, tôi cũng có thể nhìn thấy như ý bảo châu, ngoài ra tôi không mong cầu điều gì khác, chỉ mong sao tôi thấy

được như ý bảo châu, trong lòng mãn nguyện lắm rồi.”

Tiếp theo, Chuyển Luân Thánh Vương cất bước ngồi xe đại bảo, thì có người đánh chuông gõ trống, đến nhà trưởng giả Tu Đạt, người phụ nữ khi xem xong, vô cùng vui thích, tâm nghĩ: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, ân huệ lợi ích chúng sinh, có thể phân biệt đúng sai thiện ác. Tôi nhất định không để sa môn một lần nữa làm mê hoặc.” Người phụ nữ cho rằng Chuyển Luân Thánh Vương đến rồi, bà ta liền từ trong lòng gỗ chui ra, đến đánh lễ Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương liền sai chủ Bảo Tạng thân đến vì cô ta nói pháp. Ông ta nói: “Chào chị! Chị trong quá khứ phước đức sâu dày, có duyên với Chuyển Luân Thánh Vương, nay muốn nhờ chị làm Ngọc nữ bảo” Ngọc nữ bảo tức là người nữ rất đẹp, một trong bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương.

Người phụ nữ rất sợ hãi: “Tôi xuất thân nghèo cùng như nhóp giồng như đất cát, được Chuyển Luân Thánh

Vương quan tâm thăm hỏi, đã khiến cho tôi vui mừng khôn xiết, sao xứng đáng làm Ngọc nữ bảo? Tôi tuổi đã nhiều, nhan sắc phai tàn, da mặt nhăn nheo, sao làm Ngọc nữ bảo được? Nhưng mà Chuyển Luân Thánh Vương thật lòng thương xót tôi, xin ngài khiến cho ông chủ thả tôi ra, để tôi được tự do, ban cho tôi như vậy là đủ rồi!”

Chuyển Luân Thánh Vương nói với ông Tu Đạt: “Người phụ nữ của gia đình ông tướng mạo phi phạm, tôi hôm nay muốn cho bà ta trở thành Ngọc nữ bảo” trưởng giả Tu Đạt trả lời: “Tuân mệnh! Nguyện dâng hiến cho Chuyển Luân Thánh Vương!”

Người phụ nữ nghe xong vô cùng vui vẻ, Chuyển Luân Thánh Vương lập tức dùng như ý bảo châu soi rọi diện mạo của bà ta, làm cho bà ta thấy được mình đẹp trang nghiêm như Ngọc nữ bảo, như thế càng làm cho bà ta thêm vui mừng! Bà ta liền nói: “Những người sa môn đó chỉ lớn tiếng nói suông, rồi tự mình cho rằng có đạo lý,

mà một chút năng lực cũng không có. Còn Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện, việc lợi ích thì vô số, mà còn khiến cho tôi tuổi già sức yếu thành Ngọc nữ bảo”. Nói xong liền lạy năm vóc sát đất, hướng Chuyển Luân Thánh Vương đánh lễ.

Ngay lúc đó, Thần Điện Tàng trông coi tài vật ban bố chỉ lệnh của Chuyển Luân Thánh Vương, tuyên dương 10 thiện đạo, chủ yếu giảng thập thiện, người phụ nữ sau khi nghe xong pháp này, trong tâm vô cùng vui mừng. “Những lời của Chuyển Luân Thánh Vương nói ra đều có lợi ích lớn, bà sám hối những sai lầm trước đây đã tạo, tâm của bà ta trở thành hiền thực”.

Lúc đó La Hầu La trở về tướng mạo của Tỳ Kheo. Người phụ nữ vừa ngẩng đầu nhìn, tại sao không phải là Chuyển Luân Thánh Vương? Như thế vẫn là đệ tử của đức Phật. Ngoài ra những người cùng đi một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ Kheo, vốn làm con của Chuyển Luân

Thánh Vương, toàn bộ tại sao hóa thành hình dáng Tỳ Kheo? Bà ta thấy xong vô cùng kinh ngạc, liền nói: “Đức Phật thanh tịnh không từ bỏ một chúng sinh nào, tức khiến một người ngoan cố, xấu xa như tôi đều được hóa độ.” Lúc đó tâm của cô dịu dàng, thành tâm sám hối, sau khi nói xong, bà lão muốn thọ 5 giới. Tiếp theo La Hầu La vì bà ta thuyết pháp tam quy, truyền trao ngũ giới, bà nghe La Hầu La thuyết pháp, đang lúc muốn ngẩng đầu, nhưng lúc chưa ngẩng đầu liền chứng sơ quả Tu Đà Hàm. Địa thần vô cùng hoan hỷ, từ trong lòng đất xuất hiện, nói với trưởng giả Tu Đạt: “Lành thay! Trưởng giả, phá bỏ tà kiến lưới mê, Như Lai xuất thế, chân thật vì việc này, phá bỏ tà kiến lưới mê của chúng sinh.”

Tiếp đó, La Hầu La liền dẫn bà đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, lúc nhìn thấy thân thể Phật giống như núi vàng sáng chói, bà ta khởi tâm hoan hỷ, vui mừng chấp tay hướng Phật đánh lễ, sám hối vô số tội ác trong quá khứ,

còn xin Đức Phật cho phép bà được xuất gia.

Đức Phật nói với La Hầu La: “Dẫn bà đến nơi chỗ của Bà Kiều Đàm Di” (Dì ruột của đức Phật). Lúc đi được nửa đường, La Hầu La nói cho bà nghe: “Khô, khô, vô thường, vô ngã. Bà nghe xong, đầu tóc tự rụng liền trở thành Tỳ Kheo Ni, chưa đến chỗ của bà Kiều Đàm Di, mà bà ta đã trở thành Tỳ Kheo Ni rồi, không những thế còn có đủ tam minh lục thông, tám giải thoát, thân thể bay lên hư không và 18 loại biến hóa.

Vua Ba Tư Nặc cùng phu nhân Mạc Lợi nhìn thấy những loại biến hóa này, trong tâm vui mừng không tả xiết, liền tán thán: “Lành thay! Đức Phật giống như mặt trời xuất hiện ở thế gian, chiếu sáng phá bỏ đi bóng tối của vô minh ngu si, khiến cho kẻ tà kiến chứng đắc A La Hán”. Nói xong cung kính hướng về phía Phật đánh lễ thưa: “Thế Tôn! Người phụ nữ này, trong quá khứ đã tạo những tội gì, khiến cho bà ta đời này sinh trong gia đình thiếu

thôn, phải làm đầy tớ, nghe người sai bảo, và bà ta đã tạo những phước đức gì, may mắn hôm nay được gặp Thế Tôn, cũng giống như một tấm vải trắng dễ bị nhiễm màu sắc, đức Phật cùng các đệ tử của Ngài giáo hóa, bà ta mới chúng đắc A La Hán?”

Đức Phật nói với vua Ba Tư Nặc: “Ông chú ý nghe! Cách đây vô số kiếp trước, có Phật Thế Tôn xuất thế, đức hiệu là Nhật Bảo Cái Đăng Vương Như Lai, đầy đủ 10 hiệu, sau khi Đức Phật diệt độ, trong thời kỳ tượng pháp, có một vị vua tên Tạt Bảo Hoa Quang. Vị quốc vương này có một người con trai, tên là Khoái Kiên, vị vương tử này muốn xuất gia, vua cha cũng sẵn sàng đồng ý!.

Vị vương tử này, hướng về phía trước đi vào trong núi sâu, tỏ rõ ý nguyện muốn xuất gia. Khi đó có một vị Tỳ Kheo thông minh trí tuệ, biết rõ thật tướng các pháp, liền tiếp nhận vị vương tử làm đệ tử. Ngoài ra còn có một vị Tỳ Kheo hiệu Đức Hoa Quang, vị này giảng dạy giáo nghĩa

rất tốt, đặc biệt là khuyến hóa sơ học, rất có phương pháp. Vương tử Tỳ Kheo tuy hiện tướng xuất gia, nhưng bởi vì xuất thân vương tử, trong tâm còn kiêu mạn, Hòa Thượng vì đại chúng giảng dạy pháp thâm sâu vi diệu, nói Bát Nhã Ba La Mật tánh không nghĩa lý sâu xa, nhưng vị vương tử Tỳ Kheo nghe xong không hiểu nghĩa lý sâu xa của “Không”, cho rằng hòa thượng giảng dạy là tà thuyết, tà kiến. Sau khi Tỳ kheo diệt độ, vị vương tử Tỳ Kheo này liền nói: “Đại hòa thượng của tôi không có trí tuệ, chỉ có thể ca ngợi việc hư vô không huyễn. Nếu tôi sau này có sinh làm người, tôi không muốn nhìn thấy vị hòa thượng này!” Ông ta phát ra lời nguyện như vậy: “Nhưng A Xà Lê ân sư của tôi (A Xà Lê là vị phạm sư hướng dẫn đệ tử nhiều loại pháp tắc) mới là người đầy đủ trí tuệ biện tài, mong sao tôi đời đời kiếp kiếp gặp được vị thiện tri thức này!”

Wangzi Tỳ Kheo sau khi phát ra ác nguyện xong,

đem chánh pháp nói thành không phải chánh pháp, lấy không phải chánh pháp nói rằng chánh pháp, giảng dạy cho rất nhiều đồ chúng đều mang lấy tà kiến. Tức khiến cho ông ta nghiêm trì giới luật, oai nghi cử chỉ không có thiếu sót, bởi vì dùng sai lầm phương thức lý giải ý nghĩa chân chánh trì giới, càng trầm trọng hơn là hiểu sai Bát Nhã Ba La Mật thật tướng nghĩa lý của không, sau khi mạng chung, nhanh như tên bắn, tức khắc đọa vào địa ngục A tỳ, tám mươi ức kiếp thường chịu vô lượng khổ não xong, lại đầu thai vào nhà người nghèo cùng trong 500 đời, không chỉ tai điếc, ngu si, mắt mù, một ngàn hai trăm đời trở lại, lại phải thường làm người đầy tớ”.

Sau khi Đức Phật giảng dạy nhân duyên này xong, 500 tỳ nữ trong cung của Mạc Lợi phu nhân hết lòng sám hối tự trách và phát bồ đề tâm, nguyện mong sao đời sau hiểu Bát Nhã Ba La Mật, lý giải được ý nghĩa thâm sâu của pháp Không.

Đức Phật nói với vua Ba Tư Nặc: “Lúc bấy giờ vị hòa thượng này chính là Thế Tôn.”

Thế Tôn chính là hòa thượng của vương tử Tỳ kheo. Đó chính là kiếp trước phát ra ác nguyện “tôi không muốn gặp mặt vị hòa thượng này!” Do đó đức Phật dù muốn độ ông ta, ông ta cũng không có duyên được hóa độ, còn vị A Xà Thế còn chính là tiền thân của La Hầu La. Nhưng cũng may mắn là ông ta phát lời nguyện: “Tôi nguyện thân cận vị A Xà Lê, do đó ông ta có duyên với La Hầu La, nếu La Hầu La đến hóa độ, còn vương tử Tỳ Kheo chính là bà này; những đồ chúng của vương tử tỳ kheo trước đây có tà kiến, nhưng hôm nay được nghe Phật pháp xong, chính là những nữ chúng phát tâm bồ đề.”

Câu chuyện dạy cho chúng ta điều gì? Nhất định không được tùy tiện phát ác nguyện: “Tôi không muốn nhìn lại ai, đặc biệt là những vị thầy, thiện tri thức, lời ác nguyện này dù thế nào đi nữa không nên tùy tiện phát,

chúng ta cùng nhau sách tấn!

Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 9 năm 2012

Đức Phật nói Kinh Nhũ Quang Phật

Hôm nay, tôi chia sẻ với quý vị câu chuyện “Kinh Thuyết Nhũ Quang Phật”, được trích trong Đại Chánh Tạng quyển 17, từ trang 754b~ 756b.

Khi đức Phật còn tại thế, Ngài từng bị phong hàn, cần một ít sữa bò để làm thuốc. Đương thời có vị Phạm chí Ma Gia Lợi, có rất nhiều đệ tử thân cận, và được nhà vua đại thần dân chúng tôn kính, ông tuy giàu có nhưng rất keo kiệt ích kỷ, không tin Phật pháp, không thích bố thí. Ông keo kiệt đến mức độ dùng lưới bao phủ nhà và vườn để chim không bay vào tìm thức ăn được.

Đức Phật muốn độ ông ta, liền gọi ngài A Nan đến nhà ông để khát thực một ít sữa, vì nhà ông có nuôi bò sữa.

Lúc đó ông Ma Gia Lợi cùng với 500 vị đệ tử giỏi, đang đi vào cung diện kiến vua, trên đường gặp ngài A Nan, ông hỏi: “Ngài đi đâu mà sớm thế, ngài có cần gì

không?”

Ngài A Nan đáp: “Đức Thế Tôn đang bị phong hàn cần một ít sữa”.

Vì do rất keo kiệt nên ông Ma gia Lợi liền nghĩ: “Nếu ta không cho Thế Tôn sữa thì mọi người sẽ nghĩ ta là người keo kiệt, còn nếu cho thì những đệ tử của Ta sẽ nghĩ: “Ma Gia Lợi đang cung phụng đức Phật, do đó ông bán khoán và tìm ra một phương kế, ông nghĩ rằng có một con bò rất hung tợn trong nhà: “Hãy để cho ngài A Nan tự mình đi vắt sữa”. Bởi con bò mẹ hung dữ này, nếu nổi sân sẽ dùng sừng húc ngài A Nan, như thế mới có thể làm cho những đệ tử khác của đức Phật phải nhục nhã, làm cho mọi người phải xa lánh và tôi sẽ càng được nhiều người tôn trọng. Không cần biết A Nan có lấy được sữa hay không nhưng đã khiến cho mọi người biết được tôi không phải là người keo kiệt. Nếu A Nan bị bò húc chết thì đó cũng chẳng phải là lỗi của tôi.

Do đó, ông nói với ngài A Nan: “Bò đang nhốt trong chuồng, ông tự đi vào mà vắt”. Sau đó ông nói nhỏ với con của mình: “Hãy đưa Tôn giả A Nan đến con bò hung dữ và quan sát ông ta có lấy được sữa hay không?”.

Lúc đó, năm trăm vị học trò nghe như vậy, mọi người đều rất tò mò, muốn đi cùng xem sự tình xảy ra như thế nào, họ cảm thấy rất kỳ lạ và bàn luận: “Sa môn Cù Đàm (tức Thế Tôn) thường tự xưng “trên trời dưới đất, chỉ có ta là độc tôn”, có thể hóa độ chúng sinh trong mười phương hết lão bệnh chết. Vậy sao chính ngài lại bị bệnh, không tự mình cứu chữa, sao bảo A Nan xin sữa và thuốc? Những Phạm chí ai cũng bàn tán nghị luận.

Lúc đó ngài Duy Ma Cật đang đi diện kiến đức Phật, ngang qua nhà ông Phạm chí thì gặp ngài A Nan liền hỏi: “Ngài đi khất thực sao mà sớm thế? Ngài A Nan liền nói: Đức Phật đang bị phong hàn cần một ít sữa”

Cuộc đối thoại giữa cư sĩ Duy Ma và ngài A Nan dưới

đây trùng hợp trong Kinh Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma nói với A Nan: “Thầy không nên nói như thế! Thân Như Lai là thân kim cương, những ác pháp đã được đoạn trừ, chỉ tích tụ những thiện công đức thì làm sao mà có bệnh? Thầy nên im lặng mà rời khỏi nơi đây! Không được nói đi khát thực xin sữa, nói như thế ngoại đạo nghe được sẽ hủy báng đức Như Lai, và cũng đừng để Chư Thiên Long Thần và kẻ cả Bồ Tát trong mười phương, A La Hán, Thanh Văn nghe được điều này.

Ngay cả bậc Chuyển Luân Thánh Vương, phước đức ít, mà đã không bệnh tật, hưởng hồ Thế Tôn đã tu vô số kiếp, bố thí khắp nhân gian, và còn tích lũy vô lượng phước đức, thành tựu thân kim cương, làm sao lại có bệnh tật được? Những lời nói này nếu truyền đến ngoại đạo, bọn chúng sẽ hủy báng: “Thế Tôn bệnh tự mình còn chưa trị được làm sao cứu chữa được sinh lão bệnh tử cho chúng sinh đây?”

Duy Ma Cật nói với A Nan: “Thực ra thân Như Lai là

pháp thân, là sắc thân đã giải thoát, do đó đức Phật không còn bệnh. Thân Như Lai có vô lượng công đức, những bệnh hoạn đã không còn nữa, nếu nói có bệnh thì đó chỉ là thị hiện mà thôi.” Ông nói: “Thầy hãy đi nhanh đi! Đừng để ngoại đạo hủy báng?”

Ngài A Nan nghe xong, cảm thấy rất hổ thẹn, ngài nghĩ: “Có phải ta đã nghe sai rồi chăng?”

Ngay lúc đó, trên không trung có âm thanh xuất hiện: “A Nan, như trưởng giả Duy Ma Cật chất vấn, Như Lai xuất hiện thế gian, ngài vì chúng sinh trong cõi ngũ trược ác thế mà thị hiện thân có bệnh, để độ tham sân si của chúng sinh trong mười phương, là một phương pháp thị hiện. Do đó, ngài hãy đi đến nhà ông Ma Gia Lợi khát thực xin sữa, những lời cư sĩ Duy Ma Cật vừa nói, thầy không nên bận tâm, mà cũng không cần phải hổ thẹn.”

Lúc đó, ngài A Nan rất kinh ngạc: Có phải mình đã nghe nhầm chăng? Trong lòng lại nghĩ: “Chẳng lẽ oai thần

Như Lai đã cảm động đến như thế sao?

Lúc bấy giờ, năm trăm vị Phạm Chí, nghe tiếng nói trong không trung, biết Thế Tôn bệnh không phải thật bệnh, mà chỉ là thị hiện để hóa độ chúng sinh. Cũng như cư sĩ Duy Ma Cật, đã là Như Lai ở một quốc độ khác nhưng vì muốn hóa độ mà thị hiện có bệnh, Thế Tôn muốn những đệ tử đi thăm ông ta, thực ra là tạo có cơ hội được nghe trưởng giả Duy Ma Cật khai thị v.v..

Lúc đó, ông Ma Gia Lợi và thân quyến ông ta đều rất tò mò, xem ngài A Nan cuối cùng có lấy được sữa hay không.

Ngài A Nan đi bên cạnh con bò mẹ hung hăng này, tâm nghĩ: “Phạm chí Ma Gia Lợi đồng ý cho tôi vắt sữa nhưng tôi là sa môn làm sao tôi có thể tự tay làm, biết làm sao đây?”

Ngay lúc đó, Ngài Đế Thích từ cõi trời xuống, hóa thân thành một vị Phạm chí nhỏ tuổi đứng cạnh con bò.

Ngài A Nan khi thấy anh ta rất hoan hỷ liền nói: “Thiếu niên Phạm chí! Có thể giúp tôi vắt sữa được không?”

Vị thiếu niên Phạm chí trả lời: “Tôi không phải là Phạm chí, tôi là Đế thích. Tôi nghe Như Lai cần sữa, vì vậy tôi từ trên trời xuống đây hầu mong cầu chút phước đức.”

Ngài A Nan nói: “Ông là thiên đế, địa vị rất tôn quý, sao lại tiếp cận mùi hôi thối của bò?”

Đế thích trả lời: “So với Như Lai thì địa vị của tôi có gì là trân quý, việc này có gì để mà toan tính! Thế Tôn không mệt mỏi xây dựng công đức hà huống tôi chỉ là vị trời nhỏ mà thôi! Tôi sống trong cảnh vô thường, những phước đức vô thường này cũng phải tan biến, nếu không tích lũy công đức, có núi công đức cũng phải hết, khi phước đức đã không còn thì không nơi nương tựa.”

Ngài A Nan nói, nếu ông muốn, thì ông tới vắt sữa

dùm tôi”.

Đế thích nói: “Được!” Ông liền cầm bát đi đến phía trước con bò để vắt sữa, thường ngày nó rất hung dữ, nhưng bây giờ nó bình thản, khiến cho những người xung quanh vô cùng kinh ngạc. “Phạm chí nhỏ tuổi này có gì quan trọng, mà lại mạo hiểm vì đệ tử Thế Tôn đến vắt sữa? Trên thực tế rất nguy hiểm, mọi người muốn ngài A Nan đến vắt sữa, để con bò dùng sừng húc chết hoặc bị thương, nhưng lại thấy rất kỳ lạ: “Tại sao lại thay đệ tử Thế Tôn đến vắt sữa, sao không để cho A Nan tự mình vắt sữa”. Lúc đó, Đế thích thay A Nan đến vắt sữa và nói với con bò: Đức Thế Tôn đang bị phong hàn, mày làm ơn cho ta lấy ít sữa để đức Phật dùng, nếu khiến Ngài hết bệnh, thì ngươi sẽ có vô lượng phước đức. Phật là thầy của trời người, Ngài không phải vì tham mà đến xin sữa, ngài dùng tình thương để cứu giúp tất cả chúng sinh, vì muốn cho chúng sinh được giải thoát.”

Lúc đó, con bò nói với Đế Thích: “Ngài đã dùng bàn tay chạm vào tôi nhưng thật là nhẹ nhàng làm sao, và xin ông chỉ lấy sữa từ hai cái vú phía trước hai cái phía sau để dành cho con tôi bú. Vì con tôi từ sáng tới giờ chưa được bú, tôi biết tuy cúng dường Như Lai phước đức rất lớn nhưng con tôi cũng phải lo chăm sóc, cần phải bình đẳng mà nghĩ như vậy.

Lúc đó bò con nghe xong liền nói với mẹ:

Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con từ xưa đến nay chưa từng nghe qua danh hiệu của Phật, đây là cơ hội hiếm có, con rất mừng và cũng muốn cúng dường, mẹ hãy lấy hết phần sữa của con cúng dường lên Phật. Thế Tôn là thầy của trời người khó gặp được, con cũng có thể ăn cỏ, uống nước để sống qua ngày. Trong đời quá khứ, làm người thường uống sữa, trong lúc luân hồi trong sáu đường, cũng không ngừng uống sữa, thời gian đã quá lâu rồi, mà người ngu ở thế gian cũng rất nhiều, mọi người đều không biết cúng dường đức

Phật, kết quả hồi hận là đã không biết bố thí, thì chút lợi ích cũng không có được.

Bởi vì, trong quá khứ con vô cùng tham lam lại rất dễ xung đột với người khác, còn gặp phải bạn ác, không tin kinh luật. Kết quả làm con đọa làm bò, ngựa trải qua 16 kiếp, không dễ gặp được Phật, cũng giống như người bệnh gặp được thầy giỏi thuốc hay. Do đó, xin mẹ lấy hết phần sữa của con đưa cho ngài A Nan dâng lên cúng dường Phật! Khiến con sau này được khai mở trí huệ đặc đạo giống như đức Phật vậy.

Đế thích vắt đầy bát sữa và trao cho Ngài A Nan, ngài vô cùng vui mừng và mang về. Sau khi về đến nơi, đức Phật hỏi ngài A Nan: “Chuyện gì đã xảy ra?”

Ngài A Nan đem toàn bộ câu chuyện giữa bò mẹ và con kể lại cho đức Phật nghe.

Đức Phật kể lại nhân duyên trong quá khứ, bò mẹ và con đã từng làm đại trưởng giả giàu có nhưng vì rất

tham lam keo kiệt, không tin kinh giáo, giới luật của đức Phật, thường cho vay giá cao. Có người sau khi trả tiền nhưng lại bị ông ta nói với người khác: “Bạn chưa trả hết tiền! Vì nhân duyên như vậy nên đọa làm súc sinh 16 kiếp. Bây giờ nghe danh hiệu của đức Phật, nó liền khởi tâm hoan hỷ, mà nghiệp làm súc sinh tới đời này là chấm dứt. Hiện giờ nghe danh hiệu đức Phật nó khởi tâm từ bi, dùng sữa cúng dường Phật, về sau sẽ được giải thoát.

Đức Phật mỉm cười, ngài A Nan liền hỏi đức Phật: “Tại sao Ngài lại cười?”

Đức Phật liền nói với ngài A Nan: “Sau khi bò mẹ và bò con chết, sẽ bảy lần sinh lên cõi trời Đâu suất cùng Phạm Thiên, và sẽ bảy đời làm người ở nhân gian, làm con của một người phú gia, không còn sinh trong ba đường ác. Sau này, sẽ có túc mạng thông, sẽ thường cúng dường Phật, và treo tràng phan, đốt hương cúng dường thọ trì kinh pháp. Bò mẹ về sau gặp đức Phật Di Lặc, trở thành đệ

tử xuất gia của Ngài, sau này chứng quả A La Hán. Bò con càng hơn thế nữa, nó trải qua 20 kiếp, nó sẽ thành Phật, danh hiệu là Nhữ Quang Như Lai, cứu độ vô số chúng sinh.”

Cũng là dùng sữa cúng dường đức Phật, nhưng bò mẹ chỉ phát tâm giải thoát, bò con phát đại bồ đề tâm, về sau không ngừng tu học nghe Phật pháp. Vì vậy, bò mẹ đắc quả A La Hán, còn bò con thành Phật hiệu là Nhữ Quang Như Lai.

Đức Phật dạy A Nan: “Bò mẹ và bò con đều dùng tâm tốt cúng dường Như Lai, nhân duyên này đã gieo trồng một chủng tử được độ, giống như súc sinh đều có tâm thiện, hà huống con người chúng ta sáu căn đầy đủ, có trí huệ phân biệt đúng sai, cần phải phát tâm. Nếu không phát tâm, mà cũng không thấu hiểu sinh tử luân hồi, cũng không thọ trì kinh giáo, không tin bố thí đời sau sẽ được phước, vì tham lam keo kiệt tự dối mình, tâm chứa tâm ác,

miệng nói lời ác, thân làm việc ác, giống như người ngu, như thế thì làm sao giải thoát được.”

Câu chuyện trong “Kinh Phật Thuyết Nhũ Quang Phật”, tương tự như kinh “Phật Thuyết Độ Tử Kinh” trong đại chánh tạng quyển 17, trang 754. “Phật Thuyết Độ Tử Kinh” ngắn hơn, đại chúng có thể dễ dàng tương đối chiếu. Liên quan đến cuộc đối thoại giữa cư sĩ Duy Ma và ngài A Nan trong “Kinh Duy Ma”.

Phước Nghiêm, ngày 28 tháng 4 năm 2012

Câu Chuyện “Nhân duyên Phất Ca Sa Vương chứng quả mà bị trâu húc chết” (Phần 1)

Tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị về một câu chuyện được trích trong “Pháp Cú thí dụ Kinh Phẩm Duy Niệm” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4 trang 580c~581b.

Ngày xưa lúc đức Phật còn tại thế, Phất Ca Sa Vương và Bình Sa Vương là bạn với nhau rất thân thiết. Lúc đó, Phất Ca Sa Vương vẫn còn chưa biết Phật Pháp, ông ta làm hoa thất bảo tặng cho Bình Sa Vương. Bình Sa Vương sau khi nhận được hoa thất bảo, chuyển lại cúng dường và thưa đức Phật: “Phất Ca Sa Vương với con là bạn rất thân thiết, thất bảo này là ông ta tặng cho con, bây giờ con xin cúng dường đức Phật. Con hy vọng Phất Ca Sa Vương được tâm ý trong sáng, có cơ hội gặp được đức Phật, nghe Phật Pháp và cung kính cúng dường chúng Tăng, thân cận Tam Bảo, không biết con nên dùng vật gì để đền đáp cho

ông ta mới phải?

Đức Phật dạy Bình Sa Vương: “Con có thể chép 12 nhân duyên tặng cho Phất Ca Sa Vương, ông ấy lúc nhận được bộ Kinh này, trong tâm nhất định hiểu được và có niềm tin chính xác.”

Bình Sa Vương vội vàng chép lại 12 nhân duyên, ngoài ra còn viết thêm một đoạn nói rằng “Ông tặng cho tôi bảo hoa, bây giờ tôi có hoa Phật Pháp đến đền đáp ông, hy vọng ông đọc thật kỹ tư duy nghĩa lý kinh văn, trong kinh văn nói về nhân duyên, quả báo vô cùng kỳ diệu, nếu tu học tốt, sẽ đắc được quả báo vô cùng tốt đẹp. Lúc ông nhận được xin đừng chần chừ, mau mau đọc tụng, nghiên cứu học tập, rất mong đợi một ngày chúng ta có thể cùng nhau thưởng thức pháp vị.”

Phất Ca Sa Vương sau khi nhận được từ Bình Sa Vương viết “12 nhân duyên”, tư duy suy nghĩ nhiều lần nội dung của kinh văn, cuối cùng đối với Phật Pháp khởi

tín tâm thanh tịnh, mà còn thấu hiểu một cách sâu sắc, ông ta tự trong đáy lòng thốt lên: “Đạo lý của Phật Pháp hướng dẫn quá là kỳ diệu! Nghĩa lý của Đức Phật khai thị tinh thâm kỳ diệu, khiến tâm tôi an định, phản tỉnh tôi; thân tôi là vị vương chủ, hưởng thụ vinh hoa phú quý, ngôi vị tôn vinh. Đây cũng chính là nguồn gốc âu lo phiền não. Tôi đã từng nhiều đời nhiều kiếp trầm luân sinh tử luân hồi, hôm nay mới có thể tỉnh ngộ. Hồi tưởng những hưởng lạc của thế tục, thực chất không đáng để tham luyến”, Phát Ca Sa Vương lập tức triệu tập đại thần, nhường ngôi vua lại cho thái tử, tự mình cạo tóc xuất gia làm sa môn, khoác tăng phục, ôm bát đi đến bên ngoài thành La Duyệt Kỳ (thành Vương Xá), xin ở nhà một người làm đồ gốm. Trong lòng nghĩ: “Tôi ngày mai vào thành khát thực, dùng cơm trưa xong, tôi lại đến chỗ đức Phật thọ trì Kinh giới.”

Lúc đó, đức Phật dùng thần thông nên biết vua Phát Ca Sa ngày mai khi khát thực, tính mạng của ông sẽ chấm dứt,

ông từ nơi xa xôi đến đây, nhưng không gặp được ta, và cũng chẳng nghe được kinh pháp, thật là đáng thương xót. Nên đức Phật liền hóa thành một vị sa môn, đi đến trước nhà của người làm đồ gốm và cũng xin ngủ qua đêm.

Người thợ gốm nói: “Vừa mới có một vị sa môn xin ở qua đêm ở phía trong lò gốm, nếu như ông không ý kiến gì, ông cũng có thể cùng vị sa môn đó ở qua đêm” hóa hiện sa môn lấy một bó cỏ, đi đến lò, rồi ngồi một bên, hỏi Phát Ca Sa: “Ông từ nơi nào đến! Thầy của ông là ai! Tại sao muốn xuất gia làm sa môn? Ông đã gặp đức Phật chưa?”

Phát Ca Sa trả lời: “Tôi chưa gặp Phật, tôi chỉ nghe 12 nhân duyên, tôi liền phát tâm xuất gia làm sa môn. Tôi chuẩn bị ngày mai vào thành khát thực, dùng trưa xong, lại tiếp tục đi về phía trước đánh lễ Thế Tôn”.

Hóa hiện sa môn liền nói: “Mạng sống con người nguy hiểm dễ tan, thời thời đều gặp nguy hiểm sinh mạng, rất mong manh, sớm tối biến hóa vô thường, thời khắc đều

đang ở trong biến hóa vô thường. Bởi vì tội báo này đời trước cùng người kết oán, cuối cùng không đề phòng được tự nhiên mà đến, tức là bất kể ở đâu, bất kỳ lúc nào quả báo này cũng đều có thể đến, nên quán chiếu thân thể của chúng ta là do đất, nước, lửa, gió, bốn loại nhân duyên giả hợp mà thành. Cuối cùng cũng tan rã, trở về với vốn có của nó, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa và gió trở về gió. Nên tư duy về thất giác chi (niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định và xả giác chi) và tư duy Không, thanh tịnh, vô tướng, cần một lòng một ý nhớ nghĩ đến Tam Bảo; Phật, Pháp, Tăng. Cần phải tư duy công đức của sự bố thí, trì giới, có thể hiểu rõ vô thường, như thế cũng như sự gặp Phật không khác vậy. Nếu như chúng ta chỉ lên kế hoạch cần làm gì cho ngày mai, như thế thì thật không có ý nghĩa gì cả, vì ngày mai ra sao vẫn chưa biết.”

Lúc đó vị sa môn biến hóa này liền nói bài kệ rằng:

“Người có thể đạt được lợi ích, đều là nhờ trở về nương tựa Phật Pháp, do đó nên sớm tối mỗi phút giây cần phải nhớ nghĩ Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng. Tự mình có thể giác ngộ, như thế mới đích thực là đệ tử của Phật. Một người đệ tử của đức Phật thì bất luận sớm tối, mỗi sát na đều nên thường niệm Phật, Pháp, Tăng ba ngôi báu, và cần phải quán thân bất tịnh, quán vô thường, nhớ nghĩ công đức của sự bỏ thí và trì giới, suốt ngày nên quán ba cánh cửa giải thoát, gọi là tam giải thoát môn, tức là quán Không, vô nguyện và vô tướng.”

Lúc đó hóa sa môn ở trong lò gốm ấy, vì vua Phất Ca Sa mà nói đại ý của vô thường, vua Phất Ca Sa chuyên tâm tư duy, nhiếp tâm vào định, ngay lúc đó liền chứng quả A Na Hàm.

Đức Phật biết vua Phất Ca Sa đã thể ngộ, nên hiện trở lại thân Phật, phóng quang minh, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vua Phất Ca Sa vừa nhìn thấy vô cùng

tán thán. Vốn là đức Phật từ bi đến hóa độ vô cùng mừng rỡ, do đó hướng về đức Phật đánh lễ.

Đức Phật lại nói với vua: “Do quá khứ đã tạo nghiệp ác, thậm chí quả báo hiện tại phải trả bằng mạng sống. Nhưng quả báo cũ, một sớm thọ hết liền kết thúc. Do đó nếu ông gặp phải những bất trắc, ông cần phải nghĩ đây là do ác nghiệp đã tạo trong quá khứ, bây giờ phải mang lấy tội báo; tội báo này sau khi gánh chịu hết, thì liền kết thúc, ông không nên lo sợ”. Sự thật, đức Phật đang ngầm bảo ông, ngày mai ông sẽ gặp bất trắc, sớm nói ra để ông không nên hoảng hốt.

Vua Phất Ca Sa bạch đức Phật rằng: “Xin tuân thủ lời dạy của Thế Tôn, y giáo phụng hành” không lâu ngày vua Phất Ca Sa tiến vào thành khát thực, tại trong thành gặp một con trâu mẹ vừa mới sinh xong, trâu mẹ vì bảo vệ trâu con, dùng hết sức mạnh húc vào vua Phất Ca Sa, đến nỗi thủng ruột, vua Phất Ca Sa ngay lúc đó liền mạng chung.

Mà sau khi mạng chung, lập tức sinh vào Bất Hoàn Thiên, chính là cõi trời Ngũ Bất Hoàn của đệ tứ thiên.

Đức Phật bảo những Tỳ kheo trà tỳ hỏa táng, đem di cốt của vua Phất Ca Sa xây tháp cúng dường.

Đức Phật nói với các đệ tử: “Căn nguyên của tội báo, nhất định phải cẩn thận.” Vì chúng ta tạo nghiệp ác, không nên đợi đến lúc quả báo hiện hành mới hoảng hốt lúng túng, chúng ta cần phải hiểu căn nguyên của tội báo là gì? Chính là vô minh phiền não, và có cả nghiệp. Chúng ta không nên sinh phiền não, không nên tạo nghiệp ác.

Qua câu chuyện muốn khuyên chúng ta rằng không nên vạch kế hoạch cho ngày mai làm gì, trong khi đó việc cần thực hiện ngày nay lại bỏ lỡ mà cần phải nắm bắt giây phút hiện tại. Còn nữa, dù cho ở quá khứ chúng ta đã tạo ác nghiệp gì có thể nó không được rõ ràng; nhưng quả báo đó không như vậy, nói đến thì sẽ liền đến, vì vậy chúng ta có lo sợ cũng chẳng được gì.

Vua Phất Ca Sa tại sao sau khi chứng quả, lại bị trâu húc đến chết? Muốn biết tường tận, xin mời lần đọc bài tiếp theo sẽ hiểu rõ.

Phước Nghiêm, ngày 27 tháng 10 năm 2012

Câu chuyện “Nhân duyên vua Phất Ca Sa chứng quả mà bị trâu húc chết” búa rìu trong miệng, sờ dĩ bị mất mạng do vì ác ngôn của mình. (Phần 2)

Tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ, Phẩm Ngôn Ngữ Thứ 8” thuộc “Đại Tạng Kinh” quyển 4 trang 582a~b.

Câu chuyện này với “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm thứ 6 phẩm Tư Duy” có liên quan, phẩm ấy có đề cập đến vua Bình Sa và vua Phất Ca Sa là bạn tốt của nhau, vua Bình Sa chép lại 12 nhân duyên tặng vua Phất Ca Sa. Vua Phất Ca Sa xem xong “12 nhân duyên” này vô cùng xúc động, ông liền khởi tâm xuất ly và xuất gia.

Sau khi xuất gia, ông xin ngủ qua đêm tại lò nung của một thợ gốm, dự định ngày mai sẽ vào thành khát thực, dùng ngộ xong, lại đi vào chỗ của Phật thọ trì kinh giới. Nhưng đức Phật đã biết, nhân duyên trong quá khứ của

vua Phất Ca Sa, ông ta qua không nổi đến trưa mai, đức Phật nghĩ ông ta đã phát tâm như vậy, chưa được gặp Phật, cũng chưa được nghe Phật Pháp mà chết, thì thật đáng thương quá, do đó Đức Phật liền hóa hiện thành một vị sa môn giảng dạy cho ông, ngay lúc đó vua Phất Ca Sa chứng đắc A-na-hàm tam quả. Phật nói với ông; “Không nên chỉ dự định cho ngày mai phải làm gì? Mà cần phải sống với hiện tại, một mực lo tính công việc cho ngày mai, việc làm như vậy không có ý nghĩa gì. Ngoài ra, còn có trong quá khứ chúng ta tạo những ác nghiệp gì, chúng ta không thể biết, nhưng quả báo đến không một chút do dự, nói đến là đến, chúng ta nên hoan hỷ đón nhận, hoảng hốt cũng chẳng được gì.”

Đức Phật sau khi dự báo như vậy xong, qua hôm sau lúc vua Phất Ca Sa đi khất thực, tại trong cửa thành gặp một con trâu mẹ vừa mới sinh con xong, vì bảo vệ trâu con, liền dùng sừng lấy hết sức mạnh húc vua Phất Ca Sa, vì

thế mà mạng chung, đây là nội dung trong “Phẩm Thứ 6 Phẩm Tư Duy”.

Bây giờ đến phẩm thứ 8, nội dung chính nói về nhân duyên trong quá khứ của vua. Tại sao một người đã chứng thánh quả thứ 3 A Na Hàm rồi, mà sao vua không tránh được gặp bất trắc này. Nguyên nhân cuối cùng là sao? Tại “Kinh Pháp Cú Thí Dụ Phẩm Ngôn Ngữ” này có nói đến.

Quá khứ vua Phất Ca Sa sau khi tự xuống tóc xuất gia, đi về phía thành vương xá khát thực, tại trong thành bị một con bò mẹ mới sinh con, dùng hết sức mạnh húc chết. Chủ nhân của con trâu cảm thấy vô cùng sợ hãi, nên bán trâu đó cho người khác.

Người mua con trâu ấy, dắt đến bên bờ sông cho nó uống nước, nhưng bất ngờ bị nó húc ở sau lưng rồi chết.

Người mua trâu có một người con trai, biết cha mình bị trâu húc mà chết, anh ta vô cùng sân giận, liền đem con trâu mẹ ra giết, mang thịt trâu lên chợ bán.

Lúc đó, có một người nông dân mua cái đầu trâu, dùng sợi dây thừng cột lại và gánh về nhà, khiêng đầu trâu rất mệt, người nông dân còn cách nhà khoảng một cây số, cảm thấy rất mệt, tìm một thân cây, liền đặt đầu trâu tạm thời treo trên cành cây, ông ta ngồi nghỉ ở dưới gốc. Nào ngờ đâu, chẳng bao lâu sợi dây bị đứt, đầu trâu rớt xuống, sừng trâu đâm ngay vào người nông dân, người nông dân chết tại chỗ. Con trâu mẹ này trong một ngày liên tục lấy đi 3 mạng người.

Tin này chuyên đến tai vua Bình Sa, vua cảm thấy vô cùng kỳ lạ. Do đó, vua Bình Sa bèn cùng tất cả đại thần đi bái kiến đức Phật. Vua Bình Sa hướng Phật đánh lễ xong, bước đến chỗ của vua, chắp tay và hỏi đức Phật: “Thật là kỳ lạ? Thật không thể nghĩ lường! Thế Tôn! Một con bò mẹ trong một ngày liên tục giết 3 mạng người, cuối cùng là nguyên nhân đặc biệt gì? Đó là những việc xảy ra ngoài ý muốn chẳng? Chúng con hy vọng Thế Tôn vì chúng con

giải thích rõ ràng, cuối cùng là do nguyên nhân gì?”

Đức Phật nói với vua Bình Sa: “Tội báo nhất định có nguyên nhân, nguồn gốc của nó chúng ta cần lưu ý, cũng không chỉ chúng ta hôm nay nhìn thấy cảnh tượng này mà thôi.”

Vua Bình Sa lại một lần nữa thỉnh đức Phật khai thị: “con hy vọng có thể biết được ngọn ngành nhân duyên toàn bộ của sự việc này.”

Đức Phật nói: “Quá khứ có ba người, nhân đến nước khác làm thương nhân, tạm thời ở lại trong căn phòng của một bà lão neo đơn, họ cần phải trả tiền thuê phòng cho bà lão, nhưng họ thấy bà lão đơn độc một mình, liền nghĩ không trả tiền. Do đó thừa cơ lúc bà lão đi ra ngoài, ba người lặng lẽ bỏ đi, bà lão trở về nhìn, không thấy ba người. Do đó đi hỏi hàng xóm: “có ai thấy ba người thương nhân này không?” Người hàng xóm trả lời: “Họ đã đi lúc sớm rồi!” Bà lão nghe xong vô cùng tức giận, vội

vàng từ phía sau đuổi theo truy tìm, cuối cùng đuổi theo kịp ba người thương nhân, liền đòi trả tiền thuê phòng. Nhưng cả ba người đều không có một chút áy náy, mà còn dùng lời ác chửi mắng bà. “Chúng tôi trước trả tiền cho bà rồi! Bà tại sao còn đòi trả chứ?” Ba người đồng thanh cự tuyệt, kiên quyết không trả.

Bà lão thế đơn lực yếu không biết phải làm sao, vô cùng buồn rầu, do đó bà phát một lời thề độc, đối trước ba người này và nói: “Hiện giờ tôi nghèo cùng đến nỗi nhà dột cột xiêu, mà các ông vẫn nhẫn tâm lừa gạt đòi sau bất cứ sinh ra ở đâu, nếu gặp lại các ông, tôi nhất định sẽ giết các ông, dù cho các ông đả đạ, tôi cũng cương quyết không tha thứ! Tôi nếu không giết các ông được tôi thề không ngưng! Nhất định giết các ông chết mới thôi.”

Đức Phật nói với vua Bình Sa: “Bà lão ngày đó nay chính là con bò mẹ, đương thời ba người thương nhân ấy, bị bò mẹ húc chết là vua Phất Ca Sa với hai người kia.”

Lúc đó Thế Tôn liền nói bài kệ:

Xuất khẩu ác ngôn, dùng ác khẩu mắng người, đối người kêu mạn, bắt nạt, lừa dối, tạo thành vô số ác hành, kẻ thù sẽ từ đây mà nảy sinh.

Ngược lại nếu chúng ta dùng lời khiêm tốn, nói lời nhu mì hòa thuận, đối người cung kính, xả bỏ phiền não, an tường nhẫn nhịn lời hủy báng, chửi mắng, như thế kẻ thù sẽ dần biến mất.

Con người đều phải chịu sự lưu chuyển sinh tử, thông thường là do nguyên nhân tạo khẩu nghiệp cũng như búa rìu trong miệng, nếu không cẩn thận thì sẽ có lúc làm hại người. Tại sao lại xảy ra họa giết người? Tất cả đều do ác khẩu mà dẫn đến.”

Đức Phật sau khi nói đoạn này xong, vua Bình Sa và chúng đại thần, đều rất cung kính phát nguyện phải tuân theo hành vi lương thiện. Mọi người hướng về phía Phật đánh lễ, xá và lui ra.

Câu chuyện này khuyên chúng ta, chính là nhân duyên nghiệp báo, ở trong kinh điển dạy, bất luận là thiện, ác chỉ cần gieo xuống hạt nhân, như thế nhất định đến một lúc sẽ có quả báo. Như vậy lúc nào mới nhận quả báo, không nhất định. Nếu phiền não tăng trưởng, chấp giữ không đoạn trừ, nhân duyên đầy đủ, sẽ thọ quả báo. Chúng ta trong quá khứ đã tạo những ác nghiệp gì không thể biết rõ, có thể là nghiệp báo (quả báo) tùy thời sẽ phát sinh, nên “chịu thọ báo cũ không tạo nghiệp ác mới” quá khứ an nhiên chịu đựng, nhưng cần phải nhớ không nên tạo ác nghiệp mới.

Ngoài ra bộ kinh này còn dạy: “Búa rìu trong miệng, sợ dĩ bị mất mạng, do vì ác ngôn của mình.” Trong miệng có lưỡi rìu, miệng không lựa lời nói sẽ rất dễ tạo ác nghiệp, do đó chúng ta không nên tùy tiện phát ngôn. Chúng ta thử nghĩ xem, giống như bà lão kia vì 3 thương nhân thiếu bà tiền thuê phòng, bà mở miệng nói lời ác “cho dù ông đã

đắc đạo, tôi cũng muốn giết ông”. Đương nhiên oan oan tương báo là điều không tốt. Cho dù người ta thiếu nợ bạn, sau này họ thành thánh nhân rồi, sau khi chứng thánh nhân, chúng ta nếu muốn đi trả thù, thì chính tạo tội báo này không thể tùy tiện xem thường. Cũng giống như tội ngũ nghịch, hại A La Hán, ác tâm làm thân Phật chảy máu, những cái này có tội báo nặng vô cùng, không biết kiếp trước người ta thiếu bạn nhiều ít, lúc này nếu bạn muốn hại Thánh, tội báo vô cùng lớn.

Do đó trong “Kinh Bát Nhã” cũng có dạy, nếu chúng ta đối với một người đã được thọ ký Bồ Tát mà khởi niệm ác, vừa khởi một niệm ác công đức của họ liền mất đi một kiếp, lại khởi một niệm ác, tiếp tục mất thêm một kiếp, được không bằng đền bù, không nên vì một lúc nhanh miệng làm tổn thương người, cuối cùng bao nhiêu tổn thất đều tự mình chuốc lấy.

Có câu: “Lương ngôn nhất cú tam đông noãn, ác khẩu

thương nhân lục nguyệt hàn” một câu nói rất hay, có thể để cho người ấm áp ba mùa đông. “Tam Đông” này có hai nghĩa chính, đông chính là một năm; ngoài ra dù cho khí hậu rất lạnh, nhưng trong tâm cảm thấy rất ấm áp “lương ngôn nhất cú tam đông noãn” nhưng tương phản, “ác khẩu thương nhân lục nguyệt hàn”, “lục nguyệt hàn” cũng bao hàm 2 lớp ý nghĩa khác nhau: thứ nhất tháng 6 trời nóng nực, cho dù thời tiết rất nóng nực bạn dùng lời ác hại người, khiến cho người cảm thấy trong lòng rất lạnh; ý thứ hai chính là một câu nói ác dành cho người một trong thời gian dài, thì trong tâm của chính bạn cũng đã có cảm giác lạnh vô cùng.

Chúng ta cùng nhau khuyến khích.

Phước Nghiêm, ngày 03 tháng 11 năm 2012

Trang Nghiêm Thì Ảnh Đẹp, Dơ Dáy Thì Hình Xấu

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện nhỏ xuất phát từ “Kinh Đại trang nghiêm luận” thuộc “Đại Tạng kinh” tập thứ tư trang 272c~273c. Nếu như khi lâm chung, muốn đem tài vật theo đời sau là chuyện không thể có. Trừ khi thực hành bố thí có công đức v.v..., nếu không thì không thể đem theo đời sau. Vì vậy nếu sợ đời sau bị quả báo nghèo khổ, thì đời nay cố gắng tu bố thí hành thiện v.v...

Ngày xưa có quốc vương tên Nan Đà, vị vua này nỗ lực tích trữ các thứ trân bảo, tiền tài, lại còn có kế hoạch mang theo vào đời sau, thường tự mình thâm suy nghĩ: “Mình bây giờ nên đem toàn bộ trân bảo kỳ lạ của cả nước thu thập lại đầy đủ, khiến cho người khác không thể giữ gìn được, tất cả đều dồn về chỗ mình.” Quốc vương vì tham đồ tích trữ tài bảo, thậm chí đem cả con gái của mình

để làm dâu nữ, và ra lệnh cho hầu cận: “Nếu như có người đem tài bảo đến truy cầu con gái, thì bảo người này đem luôn cả bảo vật đến bên ta.” Quốc vương với thủ đoạn vợ vét của cải này, tài sản trong nước bị vợ vét cạn kiệt.

Lúc đó, có một góa phụ rất thương con trai độc nhất của mình anh thấy con gái của vua dáng vẻ đoan trang, dung mạo xuất chúng, sắc thái phi phàm, nên rất say mê. Nhưng trong nhà không có tiền tài bảo vật có thể dùng mua công chúa, ngày đêm anh suy nghĩ cuối cùng sinh bệnh, thân thể ốm yếu không chịu nổi, hơi thở yếu ớt, nguy kịch đến tính mạng.

Người mẹ đó rất lo lắng, mới hỏi: “Con à! Con mắc bệnh gì mà đến như vậy?” người con trai thật tình thưa với mẹ sự việc: “Nếu con không thể yêu thương công chúa, thì con chết chắc mất!”

Người mẹ nói với con trai: “Tất cả tiền tài bảo vật trong nước, sớm đã bị nhà vua vợ vét sạch sẽ không còn

sốt, còn tìm ở đâu ra bảo vật nữa?”. Người mẹ rất lo lắng, nghĩ tới nghĩ lui! Đột nhiên nghĩ ra: “Khi cha con qua đò, có ngậm ở trong miệng một chuỗi tiền vàng, lấy cái đó mà truy cầu công chúa!” Đứa con trai nghe lời chỉ dạy của mẹ đi đào mộ của cha, cạy miệng cha lấy chuỗi tiền vàng ra.

Đứa con trai cầm chuỗi tiền đến bên công chúa, mong truy cầu công chúa. Công chúa đó theo lệ thường, sai người hầu cận đem người con trai và tiền vàng đến trước mặt vua. Sau khi nhà vua nhìn thấy mới hỏi anh: “Trân bảo ở trong nước hầu như đã bị ta vơ vét sạch sẽ rồi, trừ tài bảo ở trong kho của ta ra, nhất định những chỗ khác không còn bất cứ tài bảo nào mới phải. Chuỗi tiền vàng của ngươi ở đâu mà có? Ngươi nhất định phải còn cất giữ nhiều bảo tàng.” Do vậy sai lệnh đánh anh con trai này rất khắc nghiệt, mong bắt khai ra chỗ cất giữ ở những nơi khác nữa.

Người này trả lời quốc vương rằng: “Con không có

chôn cất bất cứ bảo vật nào trong lòng đất. Đây là do người mẹ của con chỉ dạy: “Khi phụ thân qua đời có ngậm một chuỗi tiền vàng.” Con đã khai quật phần mộ mới lấy được chuỗi tiền vàng này.”

Ngay lúc đó nhà vua liền sai người đi tra xét thật giả, lính được phái đi đến trước phần mộ xem, quả thật là miệng của người cha bị cạy ra, sau đó mới tin những lời của người con trai đã nói.

Nhà vua nghe lính hầu bẩm báo, mới suy nghĩ rằng: “Mình tích lũy tất cả những của báu trước kia, hi vọng có thể mang theo đời sau. Mà cha của người này, ngay cả một chuỗi tiền vàng cũng không thể mang theo qua thế giới bên kia.

Quốc vương cảm xúc nói một đoạn kệ, ý nghĩa đại khái như sau:

“Trước đây ta khổ sở tích lũy tất cả trên báu, hy vọng mang những thứ đó đến đời sau. Nhưng hiện tại những

người đào mộ này, ngay cả một đồng tiền vàng cũng lấy không tha! Như vậy nên xem lại, vì một xâu tiền như thế mà cũng không thể đem đến đời sau, huống gì châu báu nhiều hơn thế đó? Rất khó mà đem theo đây!”

Nhà vua suy nghĩ tiếp: “Vậy mình dùng phương pháp gì, có thể đem những thứ trân bảo này đi theo qua thế giới bên kia? Ngày xưa từng có một vị chuyên luân thánh vương tên là Đảnh Sinh vương, ngài có thể đem theo bảy báu, có kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, lại còn có ma ni bảo, ngọc nữ bảo, chủ tạng thần bảo, những thứ này lên cõi trời.

Ngoài ra La Mã vương còn mượn việc kiến tạo cầu cỏ, đi đến thành Lãng Già. (trong “La ma diển na” sử thi Ấn Độ có nhắc tới, vương phi của vua La Mã bị vua La Phật Nô cướp, đem cô ấy dẫu trong thành Lãng-già, vua La Mã đem binh đi chinh phạt vua La Phật Nô, giải cứu được vương phi ra, là đoạn sự tích này.)

Vị vua này nghĩ: “Ta muốn lên trời, nhưng không có cầu lên trời; muốn đến thành Lãng Thành nhưng không có cầu. Ta muốn đem những thứ tài bảo đi qua đò sau, nhưng hiện tại không có biện pháp nào khác.”

Lúc đó, vị đại thần thông minh, có trí tuệ biết quan sát lời nói, sắc mặt, biết được tâm ý của vị vua liền nói: “Những lời nói của đức vua thật là có đạo lý, nếu như chuyển sinh qua đò sau, cần phải có tài bảo. Nhưng trân bảo như voi, ngựa v.v .. ở đò này thì không thể đem đi qua đò sau. Vì sao? Thân thể đò này của quốc vương, còn không thể đem qua đò sau, huống chi là tài bảo, voi, ngựa v.v.. những vật ở ngoài thân? Vậy có phương pháp nào mới có thể đem những thứ trân bảo này theo qua đò sau? Đó chỉ có cách cúng dường Sa môn, Bà la môn, người nghèo ăn xin v.v.., những hành thiện phước đức này chiêu cảm tới phước báo, mới có thể theo người qua đò sau. Vì vậy muốn đem tài bảo qua đò sau, không phải như ngài

tích chứa ở trong kho, thì mang theo, không phải vậy! Mà bắt buộc phải tu các thiện hành, mới cảm được quả báo phước đức đem theo qua đời sau.

Tiếp đó, đại thần lại nói một đoạn kệ, ý nghĩa như sau:

“Một người tướng mạo trang nghiêm, soi ảnh ở trong nước, ảnh đẹp rất tự nhiên. Xinh đẹp hay xấu xí của ảnh, thật sự đều từ diện mạo của thân người, ảnh chẳng qua cũng chỉ là hình tượng của ảnh thật hiện ra ở trên mặt nước mà thôi.

Có tướng mạo trang nghiêm, ảnh trong nước tự nhiên cũng sẽ đẹp; nếu như đầu bù mặt méo, thì ảnh trong nước cũng tự nhiên xấu xí. Những hành vi trong đời nay giống như diện mạo, đời sau cảm đến thân hình tướng mạo, giống như ảnh phản ánh ở trong nước.

Diện mạo lấy giới định huệ để trang nghiêm, ngày sau tất được quả báo khả ái; nếu như tạo tác những hạnh ác, tức vị lai nhất định sẽ gặp quả báo rất đau khổ.

Lấy tâm cung kính dùng tài vật cúng dường cha mẹ, sư trưởng, sa môn, bà la môn, và người bần cùng khổ khổ, diện mạo đời nay trang nghiêm, đời sau trong nước tam hữu (tam hữu là dục giới, sắc giới, vô sắc giới), ảnh tượng hiện ra cũng nhất định rất trang nghiêm. Vì đời nay tu bố thí, trì giới, trí huệ, thiện nghiệp v.v..., đời sau nhất định cảm được quả báo an lạc, như người có diện mạo trang nghiêm, ảnh trong nước cũng nhất định hiện ra như thật.

Trước mắt nhà vua có tùy tùng, phi tần, cung nữ, quần thần bách quan và dân chúng rất đông, còn có nghệ nhân múa hát biểu diễn, một khi lâm chung, dù cho có bi thương luyến ái tới đâu đi nữa, họ cũng chỉ có thể tiễn đưa ngài một lần cuối, nhiều lắm cũng chỉ đến trước phần mộ mà thôi. Sau lễ tang, mỗi người đều tự về nhà của mình, cũng không được nửa người đi theo ngài vào trong phần mộ.

Không kể là hoàng hậu, cung nữ, người hầu cận v.v..., còn các thứ trân bảo như voi, ngựa, xe báu, kiệu chất chứa

vô kể ở trong kho, cùng tất cả công cụ giải trí, vương cung, thành trì, dân chúng, cho đến vườn rừng giải trí, tất cả đều bỏ ngài mà đi. Chỉ có một mình ngài đi về con đường chết, không có bất kể người, việc, vật có thể theo ngài; chỉ có thể theo ngài, đó là thiện ác nghiệp mà thôi, nghiệp thiện ác này bám sát bên cạnh ngài, trước giờ chưa từng lìa xa.

Người một khi lâm chung, hơi thở gấp gáp, đứt đoạn, hơi thở ra không tiếp được hơi thở vô, cổ, lưỡi khô khan không thể nuốt được nửa giọt nước.

Đến không nói ra lời, mắt nhìn không rõ ràng, gân mạch khí huyết từ từ đoạn tuyệt, gió trong tứ đại (gió trong “đất nước lửa gió”) giống như dao cắt hình thể của chúng ta; tứ chi mềm nhũn yếu đuối, gân cốt trong thân thể hư hoại không thể chuyển động, cả thân đau nhức khôn xiết như bị kim châm chích.

Đến lúc lâm chung, mới phát hiện mình đã ở trong vòng đen tối, như rơi ở trong hố sâu, tự bơi lội ở nơi

hoang vắng, không có một người đồng bạn đồng hành nào. Lúc này, chỉ có phước đức tu hành ở đời, mới là người bạn thân cận nhất bảo hộ mình. Vì vậy, nếu vì đời sau nên mau mau tu phước đức.”

Sau đó lại nói một bài kệ ngắn, đại ý như sau:

“Khi người gần lâm chung, nhất định là một người cô đơn, không có bạn đồng hành, tất cả bạn bè thân thuộc duyên ái, đều xả bỏ phân ly; tự mình đơn độc bơi trong thế giới đen tối, ở nơi khiến người lo lắng khiếp sợ.

Dù cho người, sự vật hiện tượng có thân ái như thế nào đi nữa đều sẽ phân ly, cô độc không bạn bè nương tựa, vì vậy nên tu phước đức, tịnh hóa thân tâm, nỗ lực tích lũy tư lương thiện pháp kịp thời.”

Câu chuyện này có một số điểm đáng để chúng ta suy nghĩ:

Khi chúng ta lâm chung, chỉ một mình đi, bạn bè thân thuộc khác nhiều lắm cũng chỉ đưa tới trước phần mộ, sau

thì mỗi người đi về một nơi. Đồi trước mình tích lũy những tài bảo, đương nhiên cũng không thể theo chúng ta đi qua thế giới bên kia.

Giống như trong câu chuyện, chỉ có một chuỗi tiền vàng nhỏ còn mang đi không được, ngay cả con của mình còn đào lấy. Giả sử, nhà vua tích chứa nhiều tài bảo như vậy, những thứ này mọi người nhìn thấy đều thích, không biết lúc nào bị mọi người giành giật đây? Ngoài ra, trong câu chuyện còn nhắc đến “tùy theo mặt tốt xấu, ảnh tất hiện ra ở trong nước”. Chúng ta soi gương, người trong gương không đẹp, bạn cũng không thể trách gương được, đương nhiên là phải tự trách mình. Do vậy ở trong câu chuyện nhắc đến: “Nghịệp như bóng theo hình” của chúng ta, nhân quả cũng “như bóng theo hình”. Thân thể của chúng ta sinh ra như thế nào, hình nhất định sẽ như thế ấy, và sẽ đi theo khắp nơi. Do đó, những hành vi đời nay chúng ta làm như thế nào, đời sau sẽ diễn bày y như thật

vậy.

Vì vậy chúng ta nên phản tỉnh: Nếu như thực hành bổ thí, trì giới, tự nhiên sẽ cảm được thiện báo trang nghiêm tốt đẹp; nếu như đi lừa dối khắp nơi, tham lam quá đáng, bụng dạ hẹp hòi, thì đời sau họ cảm lấy quả báo không nghĩ cũng biết.

Chúng ta hi vọng đời sau như thế nào, thì nên xem hiện tại chúng ta biểu hiện trong hiện tại như thế nào.

Hôm nay khích lệ cùng đại chúng vài điều.

Phước Nghiêm, ngày 08 tháng 12 năm 2012

Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý

Chúng ta hôm nay cùng nhau chia sẻ một câu chuyện trong “Kinh Đại Trang Nghiêm Luận” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4, trang 274a~275a.

Thân thể của chúng ta không bền vững, rất yếu mềm, vì vậy người có trí tuệ tự biết cách nỗ lực cúng dường người có đạo đức, đây là cách mà hoán đổi thân thể không bền vững yếu mềm này để lấy điều ngược lại. Trong Kinh điển thường nói đến ba loại không có bền vững: Đó là tiền tài, thân thể và tính mệnh; còn ba loại bền vững chính là: Pháp tài, pháp thân và huệ mệnh. Hay nói cách khác, chúng ta nên đem tiền tài không bền vững để đổi lấy công đức pháp tài; lấy vô thường yếu mềm của thân thể đổi lấy sự vĩnh hằng bền vững của công đức pháp thân; lấy thân mệnh yếu đuối này để đổi huệ mệnh bền vững.

Xưa kia trong chúng đệ tử của Như Lai có một vị vua

tên là A-dục, rất cung kính thâm tín Tam bảo, mỗi khi nhìn thấy đệ tử xuất gia thì ở bất kỳ nơi nào, không luận là trẻ hay già, cho dù đang cỡi ngựa, ông nhất định dừng lại xuống ngựa đánh lễ.

Nhà vua A-dục này có một vị đại thần tên là Da-xa, lại có nhiều tà kiến, không tin Tam bảo, nhìn thấy vua đánh lễ Tỳ-kheo v.v..., trong lòng cảm thấy điều đó là sai lầm nên luôn hủy báng, ông nói với nhà vua: “Những người Sa-môn này xuất gia không từ giai cấp cao quý, họ không phải là sát-đế-lợi, Bà-la-môn, mà từ những giai cấp chủng tính ti tiện như Phệ-xá (giai cấp bình dân), Thủ-đà-la (giai cấp nô lệ)”. Ở trong đó, có người từng làm các ngành nghề như thuộc da, dệt vải, làm gạch, hớt tóc, và có người thuộc giai cấp Chiên-đà-la (còn tệ hơn giai cấp nô lệ). Đại vương! Ông tôn quý như vậy, thì tại sao lại đánh lễ những người ấy? Nhà vua nghe xong, chỉ im lặng không nói tiếng nào.

Vào một ngày kia, vua A-dục triệu tập quần thần, và ra

tuyên cáo: “Ta hiện tại muốn thu thập các loại đầu của loài động vật, nhưng không được giết hại nó, các ông chỉ từ con vật đã chết mà lấy đầu nó về.” Và phân công việc cho các đại thần: “Ông này lấy đầu của con bò, ông kia lấy đầu của con dê”. Cứ như thế ra lệnh cho các đại thần chia nhau đi tìm đầu của động vật, mà các loại động vật ấy khác nhau. Còn riêng ông Da-xa thì nhà vua mệnh lệnh: “Ông đi lấy cái đầu của con người về cho ta”. Và sau khi lấy được đầu về, phải đem ra ngoài chợ bán.

Thế là các loại đầu mà do nhà vua chỉ thị cho các đại thần lấy được đem ra chợ bán, thì đầu trâu, dê, heo v.v.. bán rất nhanh, chỉ có đầu người mà Da-xa lấy được lại bán không ai mua, ai nhìn thấy đều cảm thấy ô uế bản thủ đáng sợ, mọi người từ xa nhìn thấy đã lo tránh né, không có ai muốn mua hết.

Lại còn bị mọi người chửi mắng: “Ông không phải là Chiên-đà-la, không phải quý Dạ-xoa, ác quý La-sát, mà lại

đem đầu người đi ngoài đường thế?” Da-xa bị mọi người nhục mạ, nên buồn rầu trở về vương cung, bẩm báo với vua A-dục: “Tôi mang cái đầu người này, chẳng những bán không được, mà ngược lại còn bị mọi người làm nhục chửi mắng.”

Vua A-dục lại nói với Da-xa: “Nếu như đầu người ấy bán không ai mua, thì ông đem tặng không cho họ!”

Da-xa tuân lệnh sự chỉ thị của nhà vua, lại đem cái đầu ấy ra chợ, lớn tiếng rao: “Có ai muốn đầu người? Tôi sẽ trao tặng miễn phí!”

Kết quả là quần chúng trong chợ sau khi nghe thấy, lại tiếp tục chửi mắng cho ông một trận. Cái đầu người này dù là tặng miễn phí cho người ta, vẫn còn không ai muốn nó!

Da-xa hết cách, cảm thấy tủi hổ, chỉ còn cách cúi đầu lằm lũi trở về vương cung, chắp tay đánh lễ nhà vua, sau đó nói bài kệ, đại ý như sau:

“Các loại đầu của súc sanh như như trâu, lừa, voi,

ngựa, heo, dê v.v..., đều bán hết rồi, mọi người còn tranh giành nhau mua. Tất cả các loại đầu đều hữu dụng, chỉ có đầu người thì ai cũng cảm thấy ghê tởm, chán ghét, vô dụng không có lợi ích gì; cho dù trao tặng miễn phí cũng không ai thèm mang đi, ngược lại còn bị chửi bới mắng nhiếc, thì làm sao mà ai còn bỏ tiền ra để mua?”

Vua A-dục bèn hỏi Da-xa: “Ông bán đầu người, sao lại bán không được?”

Da-xa thưa: “Bởi vì ai ai cũng ghét bỏ ghê tởm đầu người, thì ai đâu mà muốn mua”.

Nhà vua lại hỏi: “Thế chỉ có cái đầu người ông đang cầm thì mọi người ghê sợ chán ghét? Hay tất cả đầu của mọi người đều bị thế?”

Da-xa nói: “Tất cả đầu người đều làm cho ai cũng ghê tởm, không chỉ cái đầu tôi đang cầm đây không.”

Vua A-dục lại hỏi tiếp: “Thế cái đầu của tôi cũng khiến mọi người ghê tởm chán ghét?”

Lúc này Da-xa nghe xong lặng người run sợ, không dám trả lời.

Vua A-dục hỏi tiếp: “Tôi không bắt tội gì ông đâu. Ông cứ thật thà trả lời, đầu của tôi có làm cho người khác kinh tởm ghét bỏ không?”

Da-xa lúc này mới nói: “Đúng rồi, đầu của nhà vua mọi người cũng kinh tởm ghét bỏ!”

Nhà vua hỏi: “Thật như vậy sao?”

Da-xa thưa: “Xác thật như vậy, tâu đại vương!”

Và A-dục nói với Da-xa: “Như vậy tất cả đầu người, không luận là thân phận, chủng tính quý tiện như thế nào, đều giống nhau là làm cho người khác khinh tởm chán ghét, thế thì tại sao ông lại ý vào chủng tính cao quý, diện mạo, tài trí mà cho mình tự cao? Mà còn không muốn cho ta đánh lễ Sa-môn và hàng xuất gia đệ tử đức Phật!”

Vua A-dục tiếp tục nói một đoạn kệ tụng, đại ý như sau:

“Chỉ có đầu người, ai nhìn cũng đều ghét bỏ, chỉ trích, đem đến chợ, bán không được đồng nào, cho dù tặng người khác, thì mọi người cũng cảm thấy ghê gớm đầu muốn đến gần. Từ xa nhìn thấy cũng làm cho mọi người tâm nóng giận nổi lên, và đều la lớn: “Quá là ghê gớm, vật không kết tường, quá là bản thiu!”” Cái đầu người này máu huyết dơ bẩn ai ai cũng chán ghét. Nếu như biết cách đem cái đầu hạ tiện này, mà đổi lấy một cái đầu công đức, thế thì tốt biết mấy? Như vậy đánh lừa năm vóc sát đất, thì đầu có bị mất mát sợi tơ cọng tóc nào!”

Một số người thường nghĩ, đầu là nơi tôn quý nhất! Nhưng ngược lại đem cái đầu này thì cho chẳng ai lấy. Do đó, tôi đem cái đầu này để đánh lừa người có đức, đem cái đầu không ra gì này không đáng giá xu nào để đổi thành cái đầu công đức. Thế tại sao ông lại đem tâm kiêu mạn mà cản trở ta?

Vua A-dục lại tiếp tục nói bài kệ tụng cho Da-xa nghe,

đại ý như sau:

“Ông xem các thầy Tỳ-kheo, tuy họ xuất thân từ chủng tính thấp, nhưng ông không phát hiện trong nội tại của họ, lại là có phẩm đức cao thượng trí tuệ tuyệt diệu.”

Ông tại vì ngu si tà kiến, mê hoặc sai lầm, nên trong tâm ông cho rằng chỉ có giai cấp Bà-la-môn mới có cơ hội giải thoát, sai lầm khi cho các chủng tính khác không thể đạt được điều giải thoát đó.

Nếu như vì hôn nhân, thì có thể tìm kiếm người về chủng tính cho môn đăng hộ đối, nhưng khi truy tìm pháp thiện, thì tại sao còn phân chia giai cấp chủng tính nữa? Nếu như truy cầu chánh pháp chơn lý, thì không nên phân biệt chủng tính giai cấp làm gì!

Tuy có người xuất thân từ giai cấp cao quý, nhưng mà tạo tội ác rất cực đoan, khiến cho ai ai cũng chỉ trích chửi mắng nguyên rủa, thì người này là người hạ tiện.

Còn ngược lại, có người sinh ra trong chủng tính tuy là

thấp kém, nhưng trong nội tâm của họ có đức hạnh cao quý trí tuệ chân thật, đáng để mọi người tôn kính, thì họ mới thực sự là người tôn quý. Đức hạnh của họ đã thực sự là cao quý viên mãn, thế thì có gì mà chúng ta không cung kính lễ lạy?

“Tâm xấu khiến hình thiện, ý thiện thành thân quý”, nội tâm tà ác xấu xa, khiến cho diện mạo trở thành đê tiện: Nếu như ý niệm thuần lương chơn chánh, thì lại làm cho mình thân phận cao quý.

Sa-môn tinh tấn tu hành các loại thiện pháp, không luận là niềm tin, trì giới, bố thí, đa văn v.v.. đều đầy đủ, đáng để cung kính sùng bái, do vậy chúng ta nên đối với họ phát tâm kiên thành cung kính từ trong nội tâm.

Người tạo ra nhiều hành vi ác! Ông có từng nghe đức Thế Tôn trong dòng tộc Thích Ca có tâm đại từ bi thành tựu viên mãn chánh đạo thuyết pháp hay sao? Đức Phật dạy: nên lấy 3 loại không vững chắc yếu mềm mà đối

lại 3 loại vững chắc – ba loại này đó là tiền tài, thân và mệnh. Dem tiền tài không vững chắc (tiền tài ở trong đời không có vĩnh viễn vững tồn được), chúng ta nên dem loại này để đổi lấy pháp tài công đức; dem thân yếu mềm này, đổi lấy pháp thân công đức; ngoài ra dem tính mệnh mềm yếu này đổi lấy huệ mệnh vĩnh hằng kiên cố. Lời dạy của đức Phật chơn thật không sai, trước sau như một, không thể thay đổi, do đó chúng ta đâu dám làm sai. Nếu như mà làm ngược lại lời chỉ dạy của Thế Tôn, thì làm sao cho mình là thân cận thiện sĩ được.

Cũng giống như ép mía lấy nước, sau khi lấy hết nước đi, thì đem xác nó vứt bỏ.

Thân người cũng thế, mỗi lúc đều bị chuyện tử vong ép bức. Sau khi chết đi, thi thể, xương cốt cũng vứt đi như thế, lúc này đâu thể cử động làm được các hành vi động tác cung kính Tam Bảo, tu tập các loại thiện hạnh, lúc này sao còn kịp nữa! Bởi vậy nên biết, làm tốt hành thiện nên

phải kịp thời cơ!

Dem thân thể này đổi lấy pháp kiên cố vững chắc, giống như trong nhà bị cháy, người có trí tuệ sẽ tức tức mang đồ quý trọng ra ngoài trước.

Cũng giống như nước ngập vào bảo tàng, thì tức khắc lấy bảo vật đi; thân thể của chúng ta sẽ có một lúc hư hoại, nên kịp thời đem thân mềm yếu này đổi lấy pháp kiên cố vững chắc.

Người ngu si không hiểu được cách nào để phân biệt được pháp vững chắc và ngược lại pháp không vững chắc. Một khi cái chết đột nhiên đến, thì lúc này như bị rơi vào miệng cá mập, khủng hoảng lo sợ vô cùng.

Cũng giống như sau khi tinh chế sữa thành thực phẩm cần dùng, thì sẽ đem bình chứa bỏ đi, không có gì phiền não nuôi tiếc.

Cái thân này cũng như thế, mượn cái thân mềm yếu này để đổi lấy thiện pháp vững chắc thực tại, tức cho dù

sinh mệnh đã đến lúc kết thúc, cũng không cảm thấy là buồn rầu hối hận nữa.

Đúng vậy, nếu như không tu tập các loại thiện pháp, chỉ là kiêu mạn biếng nhác, thì một khi cái chết đến, thân thể này đổ vỡ như chiếc bình sử dụng kia; lúc này tâm của họ nhất định rất lo lắng đau khổ, giống như bị đốt cháy trong lò lửa. Ưu sầu phiền não như ngọn lửa ấy, còn đồ đất đựng sữa để tinh chế như tâm thân yếu mềm này.

Ông không nên cản trở tôi tu tập thiện pháp để đổi lại pháp vững chắc, chỉ có người ngu si không trí tuệ, mới tự cho mình là người tôn quý.

Đức Thế Tôn có đầy đủ mười loại công đức, nên tôi tu tập theo lời dạy của Thế Tôn, vì đó như ngọn đèn sáng, như ánh đuốc chiếu soi nội tâm, giúp tôi phản chiếu triệt để, và hiểu được không có thân phận cao quý hay thấp hèn gì.

Mỗi người trong thân thể đều có da, thịt, gân, cốt

v.v... 36 loại bất tịnh, bất luận là tôn quý thấp hèn, mọi người đều hoàn toàn như nhau, không có gì khác biệt. Nếu nói có sự khác nhau, chỉ là mặc chiếc áo cao quý thượng đẳng bên ngoài, chẳng qua khác nhau về vẻ bề ngoài ấy mà thôi.

Người có trí tuệ nên khéo lợi dụng thân thể mềm yếu này tinh tấn, tu hành, cung kính lễ lạy sư trưởng và người có đức hạnh, và đem thân này nỗ lực thực hành điều thiện, đây là cách đối lấy pháp vững chắc.

Tại làm sao lại nói như thế? Bởi vì thân thể tính mệnh của chúng ta nhanh như điện chớp, như bọt nước, như đồng cát, thân của cây chuối, không có một cái gì vững chắc.

Nếu như có thể đem thân thể mềm yếu này mà thực hành tu tập các loại thiện hạnh, thì quả báo đạt được có thể an trụ hàng trăm kiếp, thậm chí vững chắc hơn núi Tu-di và địa cầu.

Người có trí tuệ nên kịp thời nắm bắt cơ duyên, tức tốc dùng thân thể mềm yếu này đối lấy pháp vững chắc kiên cố thực tại.

Câu chuyện này có một số điều đáng để chúng ta phản tỉnh:

“Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý”
“Tâm xấu khiến hình tiện” có ý nghĩa là nếu trong tâm chúng ta độc ác, thì bất luận là thân phận địa vị, học hàm học vị, giàu có cao quý như thế nào, thì vẫn là con người hạ tiện! “Ý thiện thành thân quý” có ý nghĩa là nếu mọi suy nghĩ của chúng ta đều thuần khiết thiện lương, thì bất luận là xuất thân như thế nào đi nữa, diện mạo không đẹp đẽ, nhưng lại là con người tôn quý.

Trong đây có ai hy vọng mình là người thấp hèn không? Nếu như chúng ta không có ai muốn mình là người thấp hèn, thế thì nên “ý thiện thành thân quý”, phải luôn giữ tâm ý lúc nào cũng thuần thiện mới được! Ngoài ra, chúng

ta vì là cầu pháp, không nên phân biệt so sánh người thuyết pháp giảng có ngoại hình trang nghiêm đẹp đẽ hay khó coi, và cũng không cần để ý họ có học hàm học vị, tài nói năng như thế nào, điều quan trọng là phải có tâm cung kính thân cận thiện hữu tri thức, học nghe chánh pháp và y theo giáo pháp mà phụng hành! Trong Kinh điển có dạy: “Giống như ép nước mía, sau khi lấy nước rồi, thì vớt đi xác nó”. Một đời người cũng thế, chúng ta luôn bị cái chét ép bức. Sự vô thường này tùy lúc tùy nơi truy đuổi chúng ta, sinh mệnh của chúng ta cũng có một ngày đi đến điểm dừng. Ép mía để lấy được nước, còn vô thường ép bức chúng ta thì chúng ta có lấy được công đức cam lồ không? Nếu như không được lợi gì, mà còn thân tàn ma dại, vậy thì còn giá trị gì nữa?

Đức Phật dạy: Đem 3 loại pháp không vững chắc mà đổi lấy 3 pháp vững chắc.

Điều thứ nhất lấy tiền tài không vững chắc để đổi lấy

pháp tài vững chắc. Điều này dạy nên làm từ thiện giúp đỡ, cứu trợ người khó khăn già cả, cúng dường Tam bảo – Đây là lấy tiền tài trong thế giới vô thường này đổi về pháp tài công đức.

Điều thứ hai lấy thân thể không vững chắc này đổi lấy thân thể vững chắc. Đây là nói chúng ta nên thành tâm cung kính thuận hòa lễ bái sư bái sư trưởng, phải thân cận người có trí bác học đa văn – đó chính là đem sắc thân yếu mềm này đổi được pháp thân công đức.

Điều thứ ba đem sinh mệnh không vững chắc này đổi lấy thân mệnh vững chắc. Biết được đời sống của con người ngắn ngủi, sinh lão bệnh tử khổ đau, nên khẩn trương quy y Tam bảo, tu học tứ thánh đế, lục độ v.v... các con đường thánh đạo – đây là lấy thân mệnh mềm yếu này đổi về huệ mạng vững chắc.

Hôm nay khích lệ cùng với quý vị như vậy.

Phước Nghiêm, ngày 18, tháng 1, năm 2013.

Lỗi lầm của sự sân hận

Xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 304a~305b.

Xưa kia, khi đức Phật ở nước Câu-đàm-di, từng xảy ra một sự kiện, lúc đó các thầy vì một việc nhỏ, bị các vị trì luật phán định là phạm tội, nhưng bên đương sự cho mình không vi phạm, vì vậy vị thầy này đi đến biện minh cùng các thầy khác và được sự ủng hộ rất nhiều. Hai bên đều giữ lập trường quan điểm của mình, không bên nào nhường bên nào, cho dù đức Phật khuyên gián họ cũng không nghe và phân chia thành hai nhóm. Tình trạng như vậy trải qua thời gian rất lâu, nên nhà vua và thần dân vốn được nhìn thấy đức Phật và chư Tăng hòa hợp, mọi người đều vui vẻ cúng dường.

Nhưng vì sự tranh chấp của các vị Tỳ-kheo, đức Phật

khuyên cũng không nghe lời, nên Ngài rời bỏ đất nước này ra đi, điều đó làm cho mọi người buồn rầu than thở: “Do quý thầy bất hòa mà ảnh hưởng đến chúng tôi không được thân cận và nghe Thế Tôn thuyết pháp”. Họ vô cùng bất mãn nên cùng nhau ước định không cúng dường và nói chuyện với các thầy ấy. Về sau vị thầy này nhận ra sai lầm và hai nhóm Tỳ-kheo xin sám hối với đức Phật, từ đó Tăng đoàn được hòa hợp thanh tịnh.

Trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” có ghi chép sự kiện này:

Ba độc tham sân si; duyên vì sân giận mà cho đến đức Phật khuyên dạy mọi người, thì trong đó có người cũng không chấp nhận, vì vậy người có trí tuệ nên đoạn trừ sân giận.

Xưa kia quý thầy ở Câu-đàm-di vì tranh luận nên chia thành hai nhóm, song phương đều cho mình là có lý, nên không ai nhường ai, và tình hình đó kéo dài thời gian rất

lâu. Lúc ấy, đức Phật vì lòng từ bi, hiển hiện thủ tướng luân (một trong tám mươi tướng tốt), để hy vọng là quý thầy hòa hợp trở lại, đức Phật nói một bài kệ, đại ý như sau: “Quý thầy không nên bắt hòa nữa, bắt hòa sẽ bại hoại, song phương đều tranh biện phải có bên thắng thua không thể, như vậy thì làm sao mà dứt được, không ngừng tranh luận như thế biết bao giờ dừng. Nếu như vậy thì dễ bị người đời chê cười, chỉ mang lại chuyện vô lợi ích.

Tỳ-kheo vì muốn đạt được lợi ích cao thượng, nên rời bỏ tham ái, xa gia đình vợ con để tìm cầu giải thoát, nên đừng làm những việc không nên làm.

Nên lấy trí tuệ để trói buộc chuyển hóa ngạo mạn, nếu như nhân vì họ không thuận theo tâm ý của mình mà nảy sinh tranh chấp, thì chỉ đem lại oán hận và tai hại, có thể nói sân hận là cội nguồn căn bản của oán hận và tai hại.

Nương vào giáo pháp xuất gia, không nên sinh khởi tâm không hòa thuận, nếu như sinh khởi tâm sân giận, thì

giống như trong nước đá tự nhiên xuất hiện ngọn lửa mãnh liệt.

Vốn đã xuất gia, mặc bộ đồ Tăng phục, nên tinh tấn học tập việc lành, thiện lương tịch tịnh, thường tư duy nhu hòa.

Tại sao đã mặc chiếc áo người tu rồi mà còn cau mày đỏ mặt trừng mắt sân hận nữa?

Nên thường suy nghĩ: cạo tóc mặc áo người tu thân hình là người xuất gia, thì tất cả đều buông bỏ, thế tại sao còn tranh chấp không ngừng? Đã biểu hiện là người như vậy thì đoạn trừ tranh chấp mới đúng.”

Lúc ấy, có thầy chấp tay thưa với đức Phật: “Thế Tôn! Mong Người khoan dung tha thứ cho chúng con. Các thầy ấy khinh thường con, thì làm sao con không báo trả được?” Rồi thầy nói kệ tụng, đại ý là:

“Đối phương là những người rất khó điều phục, con đã chấp nhận họ, nhưng ngược lại bị họ khinh khi, con vốn

ngĩ nhân nhục khiêm hạ hòa thuận để cho qua, nhưng họ thấy thế càng thêm lửa sân giận.

Trong tâm họ có tâm niệm ác, muốn trách cứ hủy bang con, giống như đem búa rìu mà chặt vào đá vậy. (Nếu như họ là búa rìu, con cũng không dễ gì bị ức hiếp, vì con là tảng đá. Họ muốn chặt cũng không được, chỉ làm cho búa rìu từ bén trở thành cùn hơn thôi, đối phương làm thế thì con sẽ trả đũa lại.”

Lúc ấy đức Thế Tôn như vị cha lành, khuyên các thầy: “người xuất gia nên tinh tấn đoạn trừ sân giận, còn nếu cứ tùy theo sân giận thì đi ngược lại với chân lý do Phật dạy. Sự tổn hại của sân giận quá nhiều!”

Tiếp đến, đức Phật nói một bài kệ giải thích rõ sự sai lầm của sân giận, đại ý là:

“Sân giận như con dao bén, dù cho mối quan hệ thân thiết thâm sâu như thế nào đi nữa, nhưng một khi mình sân giận thì sẽ chặt đứt mối quan hệ đó mà ra đi; người tuân

thủ giới luật và đúng pháp tu tập cũng bị ảnh hưởng.

Người xuất gia mà nổi tâm sân giận là không thích đáng, vì sân hận như gông cùm xiềng xích của người đồ tể, vì nó ràng buộc bức bách lo sợ cho đến chết.

Sân giận là chủ nhà của sự khinh thường, vì khi nổi sân giận lên thì người khác xem thường. Sân giận là hạt giống làm cho diện mạo của chúng ta xấu xí. Sân hận cũng là bạn bè với nguyên nhân nói lời thô ác. Sân giận đốt cháy rừng công đức và tiêu hủy chánh niệm.

Sân hận sẽ dẫn đến con đường ác đạo, là cửa ngõ gây đấu tranh và oán hận, là đất tốt nuôi dưỡng ô danh, là cơ sở vốn liếng cấp tốc tăng trưởng tạo ác.

Sân hận cũng dễ bị người khác chê cười, trách mắng, chỉ trích, vì vậy chúng ta nên quan sát sự lỗi lầm của nó.”

Tiếp đến, đức Thế Tôn nói một đoạn kệ tụng:

“Lỗi lầm của sân hận kịch liệt hơn mãnh hổ; như vết thương ác tính khó tiếp cận; như rắn độc.

Người hay sân hận khi ngủ nghỉ cũng đau khổ bất an, sân hận làm hủy hoại thanh danh. Người luôn sân hận thì không những việc làm của mình cũng bất tri bất giác nên việc của người khác cũng càng không thể hiểu rõ.

Khi mọi người muốn phân chia các loại lợi ích tài vật thì không có tính người có tâm sân hận, hoặc nơi mà mọi người đang tụ họp vui vẻ, thì cũng không hoan nghênh người có tâm sân hận đến tham dự.

Như vậy các việc được lợi ích, nhưng do vì sân hận nên không đạt được, và người sân hận không được mọi người yêu mến, những việc như thế liệt kê không hết.

Mang trong lòng tâm hổ thẹn hối hận nuối tiếc thì dùng trăm ngàn miệng lưỡi tha thiết trình bày tác hại của sân hận cũng không hết, nên chỉ đại khái đưa ra vài ví dụ thôi.

Nói về nguyên nhân xuất phát từ sự sân hận mà đọa địa ngục thì kể cũng không hết, khởi lên tâm sân hận tạo

các ác nghiệp, không những sau này hồi hận mà còn lúc nào cũng bất an. Do đó, người có trí tuệ nên đoạn trừ sân giận và đấu tranh.

Lúc này, Như Lai vì các thầy giảng dạy rất nhiều, nhưng họ vẫn không từ bỏ sân hận trong tâm. Do vậy, chư Thiên thiện Thần rất bất mãn, thiện Thần nói tiếp một đoạn kệ, đại ý là:

“Nếu như bỏ viên ngọc minh châu vào nơi nước ô nhiễm, thì nước ấy trở thành trong sạch.

Như Lai như viên ngọc minh châu của nhân loại, vì quý thầy Tỳ-kheo, thuận theo căn tính của mọi người, sử dụng các phương pháp khéo léo giảng dạy, nhưng trong tâm của các thầy vẫn đầy như ứ không trong sạch được, viên minh châu của đức Phật làm cho chúng sinh thanh tịnh nhưng các thầy này vẫn cam tâm tình nguyện chịu sự ô ứ.

Như ánh sáng của mặt trời chiếu soi sáng tỏ mọi nơi,

đức Phật cũng như thế chiếu sáng mọi nơi nhưng các thầy vì tâm ngu si đen tối quá nặng không đạt được ánh sáng ấy.”

Như Lai khiển trách thương xót các thầy Tỳ-kheo như việc sinh tử của chính mình, trong Kinh số 72 “Kinh Trường Thọ Vương Bản Khởi” thuộc “Trung A Hàm”, nội dung là: ‘nếu như lấy tranh chấp để đoạn trừ tranh chấp, thì vĩnh viễn không bao giờ dứt, chỉ có nhẫn nhịn mới chấm dứt được, nhẫn nhịn như vậy mới là cao quý nhất.’

Nhưng, các thầy vẫn cau mày nhăn nhó tranh biện không dứt, mà còn đối với đức Phật nói: “Thưa Ngài! Người là pháp chủ, nên có những việc không biết! Trước hết Ngài nên đứng im lặng một bên, chúng tôi biết xử lý như thế nào, Người đừng nhúng tay vào nữa.”

Đức Phật nghe xong những lời ấy thất vọng bỏ đi đến ngôi rừng Ba-la cách đó mười hai do tuần, tịnh tọa dưới

gốc cây và tư duy: “Ta hiện tại đã đi xa nhóm Tỳ-kheo Câu-đàm-di thích tranh chấp.”

Lúc này có một con voi chúa cũng vừa rời đàn đến dưới gốc cây, cách chỗ đức Phật không xa và nhắm mắt im lặng, trong tâm khởi lên ý nghĩ: “ta rời xa đàn voi, ta cảm thấy nhẹ nhàng.”

Đức Phật biết được voi chúa nghĩ thế, nên nói một bài kệ: “Ta và người xa rời đám đông để đến nơi yên lặng, muốn ở một mình.” Đức Phật nói xong bài kệ và đi sâu vào thiền định.

Các thầy Tỳ-kheo không nghe lời dạy của đức Phật, khiến cho nhà vua, thần dân v.v.. đều chê trách, không còn cúng dường họ nữa, nên họ sinh tâm hối hận buồn rầu. Lúc ấy không chỉ thiên thần bất mãn, mà còn cả nước mọi người đều biết chuyện tranh chấp không dứt này, đều khởi tâm sân hận, nên cùng nhau chê trách họ. Vì thế, các thầy nói với nhau: “chúng tôi sai rồi, làm thế nào mới có thể

thấy được đức Phật? Bởi vì chúng ta tranh luận không dừng như thế, đức Phật đã rời khỏi chúng ta, chúng ta làm sao đây? Chúng ta nên cùng nhau chấp tay hướng về đức Phật sám hối và cầu mong Ngài tha thứ.”

Các thầy Tỳ-kheo nói đoạn kệ tụng, đại ý là:

“Thế Tôn là đạo sư của ba cõi, chúng con đã làm sai lời dạy của Ngài, lỗi lầm của sự sân hận, luôn nằm ở trong tâm chúng con, như ngọn lửa lớn đốt cháy muôn ngàn công đức.

Kính mong đức Phật từ bi, vì chúng con thuyết pháp. Chúng con hiện tại phát đại nguyện, nhất định cần cầu giải thoát; hiện tại quyết bỏ thân mệnh nhưng không giám làm trái lời Phật dạy nữa.”

Đức Phật biết được ý nghĩ của các thầy nên nói đoạn kệ:

“Dừng lại tham dục, sân hận, không chạy theo phiền não, ta hôm nay nên khởi tâm đại bi, cứu độ chúng sinh

đang bị khô nạn.

Phàm phu chúng sinh như trẻ con chưa có trí tuệ, nên phạm rất nhiều sai lầm, người có trí tuệ nên nhẫn chịu.

Ví như có người ẵm bồng trẻ em, tuy là bị đại tiểu tiện dơ bẩn, nhưng không vì thế mà bỏ rơi trẻ em không chăm sóc.”

Sau khi đức Phật nói bài kệ xong, từ chỗ ngồi có lót cỏ đứng dậy, muốn trở về Tăng phòng, lúc đó chư thiên, long, dạ-xoa, a-tu-la chấp tay hướng về đức Phật và nói bài kệ, đại ý là:

“Thật là khiến người khác phải tán thán ca ngợi! Đức đạo sư đại từ đại bi, các thầy ấy vì phóng dật không hiểu rõ sự việc mà phần nộ tranh chấp không dứt, lại mạo phạm đi ngược lại với giáo pháp của Thế Tôn.

Như Lai có tâm đại bi, cho dù chúng sinh như thế, nhưng không sân giận hay chê trách chưa hề bỏ rơi họ, mà còn thương xót dùng nhiều phương pháp như dùng roi,

dây cương, v.v... để điều phục một con ngựa hoang.”

Không lâu, Như Lai trở về Tăng phòng, bởi vì đức Phật có hào quang, nên khi về đến phòng thì tỏa sáng, lúc ấy các Tỳ-kheo biết đức Phật trở về, lập tức đón tiếp cung kính đánh lễ và thưa: “chúng con vì sự tranh chấp vô vị mà khởi lên sân hận và bị mọi người xem thường, chúng con phạm tội phá sự hòa hợp của chư Tăng, thành tâm thỉnh đức Thế Tôn thuyết pháp giảng dạy để chúng con trở về với sự hòa hợp thanh tịnh.”

Vì thế, Như Lai giảng dạy pháp lục hòa: Kiến hòa đồng giải (sự hiểu biết của mọi người đều nhất trí trên con đường giải thoát), giới hòa đồng tu (giới luật mọi người cùng tuân thủ), lợi hòa đồng quân (về lợi ích kinh tế mọi người đều hưởng quân bình với nhau), ba điều này là bản chất của sự hòa hợp; ngoài ra sự hòa hợp này phải biểu hiện bằng thân khẩu và ý, cần phải thân hòa đồng trú (mọi người cùng sống chung an lạc), ngữ hòa vô tranh (lời nói

hòa thuận không tranh chấp), “ý hòa đồng duyệt” (mọi người trong tâm đều vui vẻ an lành), đây là biểu hiện của sự hòa hợp. Đức Phật dạy lục hòa kính này để các thầy Tỷ-kheo được thanh tịnh hòa hợp. Nhân đó đức Phật dạy chúng ta đoạn trừ sân giận.

Qua câu chuyện này có một số vấn đề làm cho chúng ta phản tỉnh, khi chúng ta tranh luận vấn đề gì hoặc biện luận về đạo lý thì nên xem lại trong tâm mình có khởi lên sân giận không, đây là điều mới quan trọng. Sân giận có rất nhiều lỗi lầm, chúng ta nên cẩn thận, bởi vì sân giận rất dễ làm cho người khác khinh khi, đưa đến ố danh, rơi vào con đường xấu, đất tốt để oán hại phát triển, căn bản để tạo ác nghiệp, do đó chúng ta nên lưu ý.

Phước Nghiêm, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Nửa Đêm Hái Trộm Dưa

Hôm nay, tôi chia sẻ với quý vị câu chuyện trong “Tập A Hàm” kinh số 1355 thuộc “Đại Chánh tạng” tập 2, trang 372a~b.

Có nói đến một vị Tỳ-kheo sống trong rừng sâu tu hành. Cách khu rừng không xa có mẩu đất trồng dưa. Vào một đêm trời tối, có vị Tỳ-kheo nhìn thấy một kẻ muốn trộm dưa. Khi muốn vào hái dưa thì mặt trăng lên cao, anh ta nghĩ: “Nếu muốn hái dưa mà không bị người phát hiện, nhưng đêm nay trăng sáng, không phải là đã bị lộ mặt rồi sao?” Do đó, kẻ trộm dưa này đã thốt lên một bài kệ như sau:

Trăng sáng, người chớ hiện,

Đợi ta hái dưa này.

Ta đem dưa đi rồi,

Mặc người hiện hay không.

Bài thơ muốn nói: “Trăng sáng đừng hiện ra chi, đợi ta hái trộm dưa xong, mặc người xuất hiện bao lâu tùy ý người.”

Lúc đó, vị Tỳ-kheo nhìn thấy liền nghĩ: “Người ăn trộm dưa mà cũng biết làm thơ, tôi cũng có thể”. Sau đó vị Tỳ-kheo viết một bài kệ:

Ác ma, người chớ hiện,
Chờ ta đoạn phiền não;
Đoạn phiền não kia rồi,
Mặc người hiện hay không.

Ý muốn nói: “ác ma à, ác ma, người đừng có hiện ra, đợi ta dứt trừ phiền não xong, người muốn đến thì tùy ý, làm gì cũng chẳng chi, ta không sợ người nữa!” Câu chuyện này đầy tính dí dỏm, có thể từ nhiều khía cạnh mà suy nghĩ, ánh sáng của trăng, nhân duyên tới mặt trăng xuất hiện, ánh sáng xuất hiện có đúng không? Ác ma, ta cũng không thể không chế, cũng không thể hy vọng, nó

xuất hiện hay không xuất hiện, nhân duyên hòa hợp thì tự nó hiện, do đó có cầu xin cũng chẳng có lợi ích gì. Đứng trên phương diện người ăn trộm mà nói, muốn ăn cắp dưa, phản ứng phải nhanh nhẹn, không thể chờ khi ánh sáng xuất hiện mới đi hái dưa, như thế thì đã quá chậm trễ. Đạo lý cũng như vậy, chúng ta tu hành mỗi ngày cần phải nỗ lực, tinh tấn, không nên đợi ác ma xuất hiện mà năn nỉ: “Giờ đừng có đến quấy rầy tôi!” Có van xin như vậy cũng chẳng ích gì, tu hành chân chánh là không chờ đợi, hãy thừa lúc khi tuổi còn trẻ có thể nỗ lực huân tập Phật pháp.

Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 3 năm 2012

Người trí muốn diệt khổ nên từ tâm, không phải từ thân.

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Đại Trang Nghiêm Kinh Luận”, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 266a~267a.

Từng nghe trong quá khứ, có vị Tỳ-kheo ni đến nước Xa-ca-la, ở trong nước này có ngoại đạo Bà-la-môn tu khổ hạnh, sử dụng năm loại lửa để đốt nướng thân thể (ánh nắng mặt trời và bốn đồng lửa đốt xung quanh). Dùng các loại sức nóng này thiêu đốt thân thể, đầu tóc, tay chân mồ hôi tuông như mưa, môi khô nước miếng cạn. Bao quây bởi bốn bên là lửa, sức nóng của nó làm cho thân thể như ở trong lò luyện kim, đầu tóc vàng óng, vừa nhìn giống như cụ già. Ánh lửa mãnh liệt màu đỏ hồng và ánh nắng khốc liệt của mặt trời làm cho người ấy dù có chuyển mình hướng nào cũng không có cách để né tránh được sự thiêu đốt ấy, giống như chiêm bái trên lò. Vì người Bà-la-môn

này hay mặc áo rách nát làm từ bằng vải thô sơ, với dùng năm loại lửa ấy để thiêu đốt thân thể, nên người đương thời gọi ông là “áo rách thiêu thân”. (Họ có quan niệm là dùng phương thức tu khổ hạnh này, sau khi thân thể chịu đau khổ hết mức, thì niềm vui sẽ đến.)

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo-ni thấy tình hình vậy, liền nói với khổ hạnh ngoại đạo: “Những thứ cần ông thiêu đốt, ông lại không thực hiện, còn những thứ không cần thì ông lại thực hiện.”

Vị “áo rách thiêu thân” vừa nghe xong đã nổi giận lên trả lời: “Ni cô đầu trọc đáng ghét kia, bà hiểu được gì? Bà nói cái gì cần thiêu đốt? Nói ra thử xem?”

Vị Tỳ-kheo-ni nói: “Ông nên thiêu đốt tâm sân giận, chứ không phải thân thể này. Nếu ông thiêu đốt được căn bản phiền não từ tâm ông, thì đó mới là việc thiêu đốt chân chính. Giống như con trâu kéo xe, xe không di chuyển, thì ông nên đánh con trâu, chứ không đánh lên xe được! Cho

dù ông có dùng sức đánh lên xe, thì xe cũng không di chuyển phải đánh lên trâu mới đúng! Thân thể của chúng ta như chiếc xe, còn tâm là như con trâu kéo xe. Ông muốn cho xe di chuyển thì điều đầu tiên ông biết đó chính là do con trâu kéo xe chứ không phải phần thân xe. Vì vậy ông phải thiêu đốt phiền não trong tâm, chứ không phải thiêu đốt thân này. Và còn thân thể này như thành trì, như rừng núi, nếu thiêu đốt nó đi thì có được lợi ích gì? Thân thể của chúng ta là thể, có được thân này mới có cơ hội mà tu hành, nếu như tu khổ hạnh làm tổn thương thân này đi, giống như rừng núi, thành trì bị cháy không thể nào khôi phục lại được, như thế lúc này lấy gì hỗ trợ cho việc tu hành.”

Vị Tỳ-kheo-ni tiếp đến nói một đoạn kệ tụng, đại ý như sau:

“Tâm là chủ nhân của thành trì, chủ thành phần nộ, thì trực tiếp xử lý ông chủ, nếu xử lý thành trì thì có ích lợi gì đâu.”

Giống như con sư tử, nếu có người dùng cung tên, nỏ gạch, đất đá hại nó, nó sẽ truy tìm người này.

Còn với con chó ngu xuẩn thì có người ném nỏ gạch, đất đá về nó, thì nó ngược lại không truy tìm người ném mà đi truy tìm vật đã ném.

Ở đây muốn nói con sư tử là chỉ cho người thông minh, biết truy tìm nguồn gốc mà diệt trừ phiền não.

Còn con chó ngu si giống như ngoại đạo, chỉ biết dùng năm loại lửa ấy để thiêu đốt thân thể, mà không biết vấn đề chính cần giải quyết là ở trong tâm.”

Thế là, vị ngoại đạo Bà-la-môn hỏi: “Làm cách nào để thiêu đốt tâm? Nếu như muốn thiêu đốt tâm thì nên dùng ngọn lửa gì?”

Vị Tỳ-kheo-ni trả lời: “ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế như bốn ngọn lửa xung quang, còn trí huệ quang để tu tập giống như ánh sáng của mặt trời trên đầu ông.”

Phật giáo lấy trí tuệ làm chính, nương vào ánh sáng trí

tuệ của bốn thánh đế, và trí tuệ tu đạo, đem năm loại phương pháp này để thiêu đốt phiền não trong tâm.

Còn thân thể của chúng ta, dù có thiêu đốt như thế nào cũng không đạt được tự do, thế thì tại sao phải làm khổ cực thân như thế?

Nếu như muốn cảm nhận cái khổ, thì nên làm cho tâm khổ mới đúng! Bởi vì tâm mới là cội nguồn làm cho thân chịu khổ, thân này do tâm sai sử, thì nên làm cho tâm khổ mới đúng.

Đi đứng nằm ngồi đều không phải do thân thể chủ động làm nên, đều do tâm khiến cho thân thể hoạt động theo mà thôi.

Vì thế những sai lầm đều phát nguồn từ tâm thì tại sao lại làm cho thân thể như vậy?

Khi tâm thức lìa khỏi thân thể, thì lúc ấy thân thể như gỗ đá không có tri giác. Vì vậy người có trí tuệ, nên truy tìm tâm thức, không nên làm khổ lụy thân thể này.

Nếu như ông nghĩ đem năm loại lửa thiêu đốt thân thể mà có thể đắc đạo, thì chúng sinh ở địa ngục chịu đựng muôn ngàn khổ sở thì họ đã sớm đắc đạo rồi.

Vị Bà-la-môn tranh biện: “tôi tu khổ hạnh là do tự mình phát tâm, nên gọi là tu đạo, còn chúng sinh ở cõi địa ngục là do bị bức bách hành hình, nên không được cho là tu đạo.”

Vị Tỳ-kheo-ni nói tiếp: “Nếu như bởi vì chủ động phát tâm thiêu đốt thân thể mà đạt được phước báo, thì đứa trẻ cầm cây đuốc thiếu cẩn thận vô tình làm cháy thân thể, đứa trẻ này cũng chủ động phát tâm, thì nó sẽ được phước báo hay sao, nhưng ngược lại thực tế là đứa trẻ đó bị thiêu đốt thân thể mà đâu có phước báo gì đâu. Nếu như đứa trẻ không đạt được phước báo gì, thì theo cách suy luận như vậy, thì ông đem năm loại lửa thiêu đốt thân thể cũng không được phước báo gì.”

Vị Bà-la-môn không phục liền nói: “Đứa trẻ không có

trí tuệ, do đó không có phước báo, còn tôi có trí tuệ, cố gắng tu tập khổ hạnh dùng năm loại lửa này thiêu đốt thân thể, đương nhiên có phước đức.”

Vị Tỳ-kheo-ni tiếp tục trả lời: “Nếu như nói người có trí tuệ tu hành khổ hạnh có thể đạt được phước báo, thế thì người đi tìm châu báu, tay chân bị cháy máu thì cũng có phước đức hay sao?”

Vị Bà-la-môn nói: “Các người đi tìm châu báu, họ phát tâm vì động cơ tham cầu châu báu, tuy tay chân có chảy máu nhưng không gọi là phước đức, vì tâm của họ có tham cầu.”

Vị Tỳ-kheo-ni nói: “Ông tu khổ hạnh, ông cũng có tham cầu sinh lên cõi trời để hưởng lạc, thì ông cũng có tâm tham rồi! Nếu như các người tìm châu báu ấy có tâm tham thì không có phước đức, thì ông tham cầu sinh lên cõi trời cũng giống họ không có phước đức!

Nếu như tham cầu mà không có quả báo, thì người thợ

săn vì ham muốn thỏa mãn cái bụng, tạo các nghiệp sát sinh cuối cùng cũng không có quả báo xấu!

Nếu như người thợ săn người đánh bắt cá không có bị quả báo, thì ông hiện tại thực hành khổ hạnh thì tương lai cũng không có hưởng được quả báo sinh thiên.

Tại sao ông không dùng trí tuệ tu tập tâm mà ngược lại thực hiện khổ hạnh hy vọng sau này sinh lên cõi trời?

Trong chánh pháp của Phật giáo, không có cho tu khổ hạnh dùng năm loại lửa này thiêu đốt thân thể mà đạt được sinh thiên hưởng phước báo.

Nếu muốn đạt được quả báo sinh lên cõi trời thì nên tu tập nói lời chân thật v.v... và các loại công đức pháp lành, tuy vẫn còn lòng tham và sợ sệt nhưng có thể sinh lên cõi trời hưởng thụ phước đức.

Giống như uống thuốc vậy, bất luận là tham tâm hay tâm sợ sệt, khi uống vào thì thuốc sẽ nhất định phát huy công hiệu của nó.

Người nói lời chân thật, tích lũy thiện căn công đức, tuy giả sử họ còn có tâm tham tâm sợ sệt nhưng vẫn nhất định đạt được phước báo sinh lên cõi trời.

Lúc bấy giờ vị Bà-la-môn không còn lý lẽ nào để biện luận nữa, chỉ còn cách im lặng đứng một bên.

Và lúc ấy mọi người ở xung quanh nghe vị Tỳ-kheo-ni thuyết pháp, đối với Phật pháp sinh khởi niềm tin thanh tịnh, trong thâm tâm ham thích chính pháp; mọi người cũng nhau thảo luận:

“Thật là tuyệt vời! Đức Phật có đại trí huệ lực, ngài giảng dạy về Phật pháp thâm sâu vô cùng, không thể tưởng tượng suy nghĩ được, còn ngoại đạo có chút thông minh, thật là quá thô thiển nhỏ nhặt.

Giống như đám lửa nổ ra, thì ai bị chạm vào thân thể cũng đều lo sợ.

Cũng như vậy, Phật pháp bùng lên ánh lửa thì tất cả ngoại đạo Bà-la-môn đều cảm thấy sợ hãi.

Hôm nay chúng tôi được nghe một cuộc nghị luận rất hay ít có, nên chúng tôi cùng nhau hướng về nơi đức Phật niết-bàn đánh lễ quy y Thế Tôn.

Vị Tỳ-kheo-ni đem lời nhỏ nhẹ nhu nhuyễn khéo léo diễn thuyết Phật pháp, đã làm cho ngoại đạo Ba-la-môn phải khuất phục, như thế thì ai mà không cung kính Phật pháp.

Vị Tỳ-kheo-ni này tuy trí tuệ còn chưa cao thâm nhưng đã nhờ Phật pháp mà phá trừ phiền não, nương nhờ đức Phật tôn quý đã khiến cho vị Bà-la-môn không còn lời nào để nói, chỉ biết cách im lặng đứng một bên.”

Câu chuyện này có một số vấn đề chúng ta cần phân tích:

Nếu như “tâm” chưa đoan chính thì dù có tu khổ hạnh làm cho “thân” như thế nào đi nữa cũng không có tác dụng gì! Do đó người có trí tuệ thì nên xem lại “tâm” có thanh tịnh hay không? Nếu như thân khổ mà có thể đắc đạo, thì

chúng sinh ở cõi địa ngục chịu đựng muôn ngàn sự khổ đau, thì họ đã đắc đạo hết rồi? Nhưng sự thật thì không phải vậy.

Trâu kéo xe không chạy, thì nên đánh lên xe hay lên trâu? Đương nhiên là đánh lên trâu, bởi vì con trâu mới là nguyên nhân chính, xe chỉ là phụ. Cũng như vậy, người có trí tuệ muốn trừ bỏ khổ, thì nên từ tâm, không phải từ thân.

Chúng ta cũng nên xem lại, nếu như các mối quan hệ qua lại không tốt, thì nên oán ghét người khác, hay là kiểm thảo chính mình đã có những ý nghĩ hay hành vi như thế nào? Ngoại đạo tu khổ hạnh, bốn bên là lửa, trên đầu còn bị ánh nắng chói vào, họ cho khi nào khổ hết thì vui đến, nhưng theo Phật pháp thì dù thiêu đốt thân này cũng không thể nào giác ngộ được!

Ngoại đạo tu cách bốn bên lửa cháy thiêu đốt thân thể, còn Phật giáo dùng ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế, thì có thể thiêu đốt hết những phiền não sai lầm kiến hoặc, và

ánh sáng của mặt trời chiếu đốt trên thân thể của ngoại đạo, còn ánh sáng trí tuệ của Phật giáo làm khô cạn phiền não tình ý tu hoặc.

Phật giáo lấy trí tuệ làm chính, nương vào trí tuệ mới đoạn trừ hết phiền não. Phật giáo chia phiền não thành hai loại:

Phiền não trong tri kiến thuộc kiến hoặc, đặc biệt là đối với bốn thánh đế không hiểu một cách triệt để.

Phiền não trong tình ý, chính là tu hoặc, tình cảm tham sân si.

Nương vào ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế mà đắc đạo, có thể đoạn trừ kiến hoặc; và trí huệ do tu đạo mà đoạn trừ tu hoặc.

Tu đạo thì có thể tu đạo hữu lậu hoặc vô lậu. Tu hữu lậu là tu thiên định, có thể hàng phục tu hoặc, chỉ dừng lại ở hàng phục; chơn chánh đoạn trừ hết tu hoặc, đương nhiên là do tu trí tuệ vô lậu.

Đại chúng cùng nỗ lực cố gắng.

Phước Nghiêm, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Bần cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, hiểm nguy trì giới khó, tráng kiện xả dục khó

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện lấy từ “Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh” thuộc “Đại Tạng Kinh” tập thứ 3, trang 113c~116a.

Ngày xưa Tu Đạt trưởng giả (Cấp Cô Độc), một thời gian từng nghèo khổ. Có một lần sau khi nghe Phật thuyết pháp vô cùng hoan hỉ mà chứng tam quả A Na Hàm.

Do vì ông quá nghèo khổ, trên thân chỉ có năm đồng tiền vàng, mỗi ngày một tiền cúng dường Phật, một đồng cúng dường Pháp, một đồng cúng dường Tăng, một đồng khác để lại chi dùng, còn lại một đồng làm vốn, mỗi ngày đều như vậy. Sau đó ông thọ trì năm giới, và quỳ trước đức Phật thưa: “Con nay trong tâm không còn tham dục nữa, như vậy việc sinh hoạt hằng ngày trong gia đình nên làm như thế nào mới phù hợp?”

Phật liền bảo Tu Đạt: “Ông hiện tại tâm thanh tịnh, không còn tham trước ái dục, ông về nhà có thể nói với các bà vợ rằng: “Hiện nay tâm tham dục của ta đã đoạn trừ, các bà có thể tùy tiện, nếu muốn cải giá cứ tự nhiên, nếu muốn ở lại ta sẽ cung cấp quần áo và đồ ăn uống.”

Tu Đạt nghe Phật chỉ dạy xong, liền đánh lễ cáo từ, về nhà chiếu theo lời Phật dạy, nói với thê thiếp rằng: “Ta hiện nay đã vĩnh viễn đoạn trừ ái dục rồi, sẽ không có việc ái dục nữa, các bà nếu muốn cải giá thì cứ tùy tiện; nếu muốn ở lại, ta sẽ cung cấp những đồ cần thiết trong sinh hoạt, để cho người không thiếu ăn mặc.” Thê thiếp nghe xong, mỗi người thuận theo tâm ý của mình mà tự sắp xếp.

Lúc đó, có một người vợ của ông đang rang lúa mạch làm lương khô, đột nhiên có một con dê chạy đến kéo theo lúa mạch. Người vợ bắt đắc dĩ thuận tay cầm một khúc cây đánh con dê để đuổi nó chạy đi. Không ngờ trên khúc cây còn ngùn mồi lửa, khi đụng vào lông dê liền bốc cháy lên,

con dê bị cháy liền chạy đến bên chuồng nuôi voi, cọ xát bên chuồng voi mong diệt lửa. Trong chốc lát, không chỉ chuồng voi bị cháy, ngay cả con voi của vua cũng bị cháy. Thân thể của con voi bị cháy đến tróc da lòi thịt, liền giết con khi bên cạnh để mượn xác khi đập lửa trên thân.

Người trời trên không trung thấy tình huống như vậy, liền nói một bài kệ, ý nghĩa đại khái như sau:

“Nếu như khi có người đang sân hận muốn đánh nhau, nhất định không nên đứng ở bên cạnh. Nếu như có hai con dê bị thiến, trong lúc dùng sừng để húc nhau, lúc đó ruồi, muỗi vô tình cũng mất mạng.

Lúc người vợ và dê tranh nhau, con khi cũng gặp tai ương vì thế mà toi mạng.

Do đó, người có trí huệ muốn xa lìa nghi kỵ, và muốn tránh nghi kỵ không nên nấn ná bên cạnh người ngu, và không nên tiếp xúc với họ.”

Vua Ba Tư Nặc biết được sự việc này (vì voi của vua

cũng bị thương), liền ra lệnh cho đại thần quy định: “Bắt đầu từ ngày hôm nay, buổi tối không được mồi lửa, không được thắp đèn cầy, nếu như người nào vi phạm sẽ bị phạt ngàn lượng tiền.”

Lúc đó, trưởng giả Tu Đạt đã đắc đạo, ở trong nhà không có phân ban ngày, ban đêm tinh tấn tọa thiền, đến nửa đêm mới nghỉ ngơi. Khi gà gáy đêm, vì trời chưa sáng nên lại đốt đèn ngồi thiền.

Việc đốt đèn nửa đêm bị người khác phát hiện, do đó Tu Đạt bị bắt đến bên vua, vì ban đêm đốt đèn, vi phạm quy định phải bị phạt ngàn lượng tiền.

Tu Đạt thưa: “Tôi hiện nay quá nghèo, ngay cả trăm tiền còn không có, lấy gì để trả số tiền phạt này?”

Nhà vua rất giận dữ, nên kêu người bắt nhốt, coi ngó kỹ càng.

Tứ Đại Thiên Vương nhìn thấy Tu Đạt bị nhốt trong tù, nên gần giữa đêm từ trên trời xuống nói với Tu Đạt rằng:

“Tôi sẽ cho ông tiền, để ông trả tiền phạt và có thể ra ngục ngay bây giờ.”

Tu Đạt nói: “Sẽ có một ngày, nhà vua sẽ hiểu được sự thật chân tướng, không cần sử dụng số tiền này” và rồi Tu Đạt vì Tứ Đại Thiên Vương nói pháp, chúng Thiên vương rất vui mừng và cáo lui.

Đến nửa đêm trời Đế Thích cũng từ trên trời xuống diện kiến Tu Đạt. Ông ta cũng vì Đế Thích thuyết pháp như vậy và vị trời này thôi lui.

Lại tới trời gần sáng, Phạm Thiên cũng từ trên trời xuống gặp Tu Đạt, và ông cũng vì vị trời này thuyết pháp, Phạm Vương nghe xong rất vui mừng và ra về.

Lúc đó, nhà vua ban đêm thấy trong ngục có ánh sáng lửa đốt, hôm sau sai người đến quở trách Tu Đạt: “Ông vì vi phạm mệnh lệnh nửa đêm cấm đốt đèn mới bị nhốt nơi đây, tại sao không biết xấu hổ lại còn ban đêm đốt lửa?”

Tu Đạt nói: “Tôi không có đốt lửa! Nếu có đốt lửa

chắc chắn sẽ còn dấu vết của tro bụi!”

Vị thị giả của vua nói: “Rõ ràng đầu hôm có bốn cây đuốc, giữa đêm lại có một cây sáng hơn, gần sáng lại có một cây đuốc còn sáng hơn nữa. Ông nói không có đốt lửa thì là như thế nào?”

Tu Đạt trả lời: “Đó không phải là tôi đốt đèn! Bốn cây đèn mà đầu hôm mấy ông nhìn thấy đó là Thiên vương của Tứ đại thiên vương đến thăm tôi. Ngọn đuốc nửa đêm là trời Đế Thích (chủ Đạo Lợi Thiên) đến viếng. Gần sáng, đó là trên thân Phạm Thiên phóng ra ánh sáng, chứ không phải tôi đốt đèn!”

Người hầu cận tức tốc về bẩm báo với quốc vương, quốc vương nghe rồi rất sợ hãi. “Phước báu của người này thù thắng như vậy, lại có thể cảm chiếu người trời xuống cầu kiến, mình sao lại dèm pha, hủy nhục ông ta? Vì vậy nói với người hầu cận rằng: “Lập tức! Lập tức đem người đó phóng thích, nhất định không được chậm trễ!”

Tu Đạt ra khỏi đại lao, liền đi đến chỗ Phật, đánh lễ xong rồi ngồi xuống một bên nghe pháp.

Sau đó, vua Ba Tư Nặc chuẩn bị xe ngựa đi đến chỗ Phật. Tất cả dân chúng dọc đường thấy đức vua đến, liền thối lui qua một bên nhường đường. Chỉ có Tu Đạt trong tâm sung mãn pháp hỷ, nhìn thấy đức vua mà không có đứng dậy chào đón.

Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy tâm ôm ý hận: “Người này cũng là con dân của ta! Vì sao lại có lòng khinh mạn, thấy ta lại không đứng dậy lễ bái!”

Đức Phật biết được tâm niệm của vua Ba Tư Nặc, liền dừng lại không thuyết pháp.

Vua Ba Tư Nặc thưa với đức Phật: “Xin Đức Phật từ bi vì chúng con thuyết pháp.”

Đức Phật nói với quốc vua rằng: “Hiện nay không phải là lúc nói pháp cho đức vua! Đều là không thích hợp thời cơ? Nếu như có người trong tâm sinh khởi lòng sân

hận, báo oán, phiền não v.v., trước khi phiền não này chưa được giải trừ, thì không phải hợp thời nói pháp. Hoặc là tham trước dâm dục, mê đắm nữ sắc, hoặc là kiêu mạn tự đại, không có một chút tâm cung kính; dùng các thứ tâm ô uế này lại nghe pháp, dù cho lắng nghe diệu pháp cũng không thể hiểu rõ. Do vậy, lúc này không phải là lúc vì đức vua nói pháp.”

Quốc vương nghe lời giáo huấn của đức Phật xong, tâm nghĩ: “Duyên có cũng là do người này, hại mình hôm nay có hai thứ tổn hại: Một là, mình đã khởi tâm sân hận, hai là không nghe được Phật Pháp.” Vua Ba Tư Nặc cảm thấy không vui, đánh lễ Phật xong rồi cáo lui. Đi chưa được bao lâu, bốn phương xuất hiện hổ, sói, sư tử, rắn độc, cầm thú toàn bộ đều bao vây vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy vô cùng sợ hãi, tức tốc quay trở lại nơi đức Phật.

Phật liền hỏi đại vương: “Ngài vì sao lại quay trở lại?”

Vua Ba Tư Nặc trả lời: “Vì khi con đi về, đột nhiên nhìn thấy rất nhiều cảm thú bao vây, vì quá sợ hãi nên con quay trở lại đây tránh nạn!”

Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: “Ngài có biết người này không?”

Quốc vương trả lời: “Không biết”

Phật liền nói: “Người này đã chứng tam quả A Na Hàm. Vì ngài đối với Thánh giả khởi ác tâm nên gặp những cảm thú dữ đó. Nếu như ngài không trở lại, nhất định sẽ gặp nguy hại, khó bảo toàn được tính mạng.”

Vua Ba Tư Nặc nghe lời Phật nói xong, vô cùng sợ hãi, lập tức hướng về Tu Đạt đánh lễ sám hối, còn lấy da dê cúng dường đặt trước mặt Tu Đạt.

Vua Ba Tư Nặc nói: “Người này là con dân của ta, thấy ta mà không đứng dậy lễ bái. Đối với sự hủy nhục vừa rồi, ta khó mà chịu nhẫn, thật là rất khó nhẫn!”

Tu Đạt nói: “Ngài khó như vậy, nhưng tôi tuy nghèo

khô, lại có thể thực hành việc bố thí, tôi cũng rất khó như vậy!”

Lúc này lại có hai người nghe thấy, họ cũng bức xúc mỗi người cũng tự nói ra cái khổ của họ. Trong đó có một vị đại thần ở bên cạnh vua, tên là Thi La Sư Chất, ông nắm giữ quốc chính rất công chánh bình đẳng. Có một ngày, Thi La Sư Chất bị giặc cướp bắt đi, bọn chúng ăn cắp đồ bị phát hiện, chúng nói với ông ta rằng: “Ông thấy ta ăn cắp đồ, chỉ cần ông không nói ra, tôi sẽ cho ông con đường sống; nếu như ông truyền lời đi khắp nơi, tôi sẽ giết ông chết.”

Thi La Sư Chất nghĩ: “Nếu như hôm nay mình nói láo, làm hành vi phi pháp, như vậy sẽ bị đọa vào địa ngục, tới lúc đó ai thả mình ra?” Do đó, Thi La Sư Chất nói với tên đao tặc: “Chẳng thà chặt đầu của tôi, tôi cũng sẽ không nói vọng ngữ.”

Tên đao tặc nghe xong liền nói: “Người này chánh

khí nghiêm nghị, giữ giới tinh nghiêm như vậy, việc này rất là khó có!” Nên đạo tặc phóng thích tôi ra.

Lúc đó Thi La Sư Chất nói: “Tôi đã gặp lúc tánh mạng nguy hiểm rồi mà vẫn không phạm giới vọng ngữ, cẩn thận giữ giới mà hành chánh pháp, đây mới thật là khó!”

Khi đó có một vị người trời tên là Thi Ca Lợi cũng nói: “Có một ngày, tôi đã thọ giới Bát quan trai, khi nằm ở trên lầu cao, có một ngọc nữ rất đẹp đến bên cạnh, vì tôi đã thọ trì bát quan trai giới nên không bị sắc đẹp mê hoặc, tôi như vậy cũng rất là khó!”

Vì vậy, bốn người tự nói những việc khó đáng quý, trước Phật đã nói một bài kệ:

“Bần cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, nguy hiểm giữ giới khó, trai tráng xả dục khó.”

“Bần cùng bố thí khó”, là chỉ Tu Đạt, tuy rất nghèo khổ nhưng ông vẫn có thể bố thí, việc này rất là khó.

“Phú quý nhẫn nhục khó”, là chỉ vua Ba Tư Nặc, ở trên

địa vị cao sang, dân chúng không có biểu thị tâm cung kính, ông khó mà nhịn nhục, việc này cũng là khó. “Nguy hiểm giữ giới khó”, tức là Thi La Sư Chất, gặp lúc tánh mạng nguy hiểm, cũng tuyệt không nói vọng ngữ, trì giới tinh nghiêm, là việc rất khó.

“Tráng kiện xả dục khó”, là chỉ người trời tên Thi Ca Lợi, trai tráng mạnh khỏe, lại có thể kiên trì giữ giới, gặp tiên ngọc nữ khiến người phải động tâm, lại có thể xa lìa tham dục, đây cũng là việc rất khó.

Nó kệ xong, đức Phật lại vì họ nói pháp, quốc vương và thần dân đều vui mừng, đánh lễ Phật rồi lui ra.

Sự tích này mang đầy ý nghĩa, bài kệ này nhắc đến ba độ đầu tiên trong lục độ, có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chúng ta đem cái thứ hai và thứ ba điều chỉnh lại, như vậy sẽ dễ nhớ hơn.

Thứ nhất là “Bần cùng bố thí khó”, là bố thí. Tuy rất nghèo khó, lại có thể bố thí lợi tha, là việc rất khó.

Cái thứ ba chúng đòi lên phía trước, là “Nguy hiểm trì giới khó”. Gặp cái chết đã đến tận cổ, lại vẫn nghiêm trì giới thanh tịnh, đó là chuyện rất khó.

Tiếp theo là nhẫn nhục, “ Phú quý nhẫn nhục khó”, giống như quốc vương rất hiền hách như vậy, có thể nhẫn nhục, không khởi tâm sân, là điều rất khó!

Thứ tư là “Tráng kiện xả dục khó”, thanh niên trai tráng, mỹ sắc trước mặt không động tâm, là điều khó!

Những điều trên khuyến khích cùng đại chúng.

Phước Nghiêm ngày 7, tháng 12, năm 2012.

Nguyên văn tiếng Hoa: <http://fuyancec.blogspot.tw/>